

Số: 492 /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 09 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020 và kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2020

A. TÌNH HÌNH CHUNG

I. Thuận lợi

- Huyện tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Thường trực HĐND, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, nhân dân các dân tộc đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được triển khai mạnh mẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

II. Khó khăn

- Thời tiết diễn biến bất thường, tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra (dịch Covid-19) diễn biến phức tạp.

- Nguồn lực cho đầu tư phát triển mặc dù đã được quan tâm, tăng cường song vẫn còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư của huyện.

- Một bộ phận nhân dân nhất là người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức, quyết tâm phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

B. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. Lĩnh vực kinh tế

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

1.1. Trồng trọt

Tổng sản lượng lương thực đạt 37.554,5 tấn, đạt 100,1% KH, tăng 112,9 tấn so với năm 2019. Kết quả cụ thể:

- Cây lúa: Diện tích đạt 5.821 ha, đạt 100,5% KH, giảm 190,4 ha so với năm 2019; tổng sản lượng ước đạt 19.497,2 tấn, đạt 100,7% KH, tăng 289,8 tấn so với năm 2019, trong đó: Lúa xuân: Diện tích đạt 1.055,5 ha, đạt 100,5% KH,

tăng 29,7 ha so với năm 2019; thu hoạch 1.048,8 ha¹; sản lượng đạt 6.240 tấn, đạt 99,9% KH, tăng 157,4 tấn so với năm 2019; Lúa mùa: Diện tích đạt 1.765,5 ha, đạt 101,5% KH, tăng 9,9 ha so với năm 2019; sản lượng đạt 8.756,9 tấn, đạt 101,7% KH, tăng 154,4 tấn so với năm 2019; Lúa nương: Diện tích đạt 3.000 ha, đạt 100% KH, giảm 230 ha so với năm 2019; sản lượng đạt 4.500 tấn, đạt 100% KH, giảm 22 tấn so với năm 2019.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng đạt 6.307,5 ha, đạt 98,8% KH, giảm 397,5 ha so với năm 2019; tổng sản lượng đạt 18.057,3 tấn, đạt 99,5% KH, giảm 177 tấn so với năm 2019.

b) Cây công nghiệp

- Cây công nghiệp ngắn ngày: Cây đậu tương với diện tích gieo trồng 152 ha, đạt 101,3% KH, giảm 98 ha so với năm 2019, sản lượng đạt 203,2 tấn, đạt 100,3% KH, giảm 136,4 tấn so với năm 2019; cây lạc với diện tích gieo trồng 255 ha, đạt 102% KH, tăng 05 ha so với năm 2019, sản lượng đạt 234,6 tấn, đạt 104,3% KH, tăng 9,6 tấn so với năm 2019.

- Cây công nghiệp dài ngày:

+ Cây cao su: Diện tích đạt 1.320 ha, đạt 100% KH; diện tích cho thu hoạch: 562,17 ha với sản lượng đạt 520 tấn mù khô.

+ Cây cà phê: Diện tích đạt 342 ha, đạt 100 % KH; sản lượng cà phê nhân đạt 427,5 tấn, đạt 106,9% KH, tăng 27,5 tấn so với năm 2019.

+ Cây mắc ca: Diện tích đạt 1.400 ha.

c) Một số cây trồng khác

- Cây sắn: Diện tích 1.355 ha, đạt 100,4% KH, sản lượng đạt 8.807,5 tấn, đạt 100,4% KH.

- Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ: 83,5 ha cây thảo quả, đạt 100% KH; 180 ha cây sa nhân, đạt 100% KH và 206,1 ha táo mèo, đạt 100% KH.

1.2. Chăn nuôi

- Hoàn thành công tác tiêm phòng và vệ sinh tiêu độc khử trùng tại 19 xã, thị trấn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các biện pháp kỹ thuật trong phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Thực hiện nghiêm các quy định về tái đàn trong chăn nuôi lợn và kiểm soát giết mổ trên địa bàn²

- Đàn gia súc tiếp tục phát triển với tổng đàn ước đạt 98.000 con, đạt 99,6% KH, tăng 1.127 con so với năm 2019 (trong đó: Đàn trâu có 23.120 con, đạt 100% KH, tăng 335 con so với năm 2019; đàn bò có 9.830 con, đạt 100% KH, tăng 382 con so với năm 2019; đàn lợn có 65.050 con, đạt 99,4% KH, tăng 410 con so với năm 2019. Đàn gia cầm có 952.600 con, đạt 100,01% KH so với năm 2019.

1.3. Thủy sản

¹ Có 6,7 ha lúa xuân bị thiệt hại do nắng nóng, mưa đá.

² Kiểm soát giết mổ 463 con trâu bò, 4.333 con lợn, thu nộp ngân sách 36,8 triệu đồng.

Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 295 ha, đạt 100% KH; sản lượng nuôi trồng ước đạt 385 tấn, đạt 100% KH, tăng 93 tấn so với năm 2019.

1.4. Lâm nghiệp

- Chỉ đạo lực lượng kiểm lâm bám sát cơ sở, nắm bắt thông tin, thường xuyên kiểm tra và tổ chức được 143 buổi tuyên truyền về Luật Lâm nghiệp, Luật bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô hanh 2019 -2020 với 9.134 lượt người tham gia. Phát hiện và xử lý 64 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp (*giảm 15 vụ so với năm 2019*), thu giữ 28,2 m³ gỗ các loại, tịch thu 21 xe máy, 05 cửa xăng; xử phạt vi phạm hành chính và bán tang vật vi phạm nộp ngân sách nhà nước là 149,7 triệu đồng. Phối hợp với Quỹ Bảo vệ môi trường rừng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng với số tiền 17,4 tỷ đồng. Tổ chức công bố quy hoạch 3 loại rừng ngoài thực địa được 170 bản với 6.897 người tham gia.

- Hoàn thành trồng 30,5 ha rừng thay thế, đạt 101,7% KH; chăm sóc 165,14 ha rừng trồng. Triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững: Khoanh nuôi tái sinh mới năm thứ nhất được 707,1 ha; khoanh nuôi tái sinh rừng chuyên tiếp: 4.804,36 ha. Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 38%, đạt 100% KH.

1.5. Công tác phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- Hỗ trợ làm nhà ở cho 08 hộ nằm trong vùng nguy cơ ảnh hưởng thiên tai ở các xã: Rạng Đông, Phình Sáng, Quài Nưa, Pú Xi theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ với kinh phí 160 triệu đồng.

- Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn và UBND các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn và chương trình mỗi xã một sản phẩm³.

- Triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2020. Tiếp tục chỉ đạo cơ quan, đơn vị phân công cán bộ, công chức tăng cường theo dõi, giúp đỡ và hướng dẫn các xã triển khai thực hiện nhiệm vụ hoàn thành

³ Cụ thể: Triển khai dự án hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị 145,55 ha cây ăn quả thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới tại 18 xã với kinh phí 8.838 triệu đồng. Hiện cây đang sinh trưởng và phát triển bình thường, tỷ lệ sống sau trồng đạt trên 90%.

Triển khai thực hiện 18 dự án (thuộc Chương trình 135) hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho 449 hộ gia đình mua 341 con bò cái giống bò vàng địa phương, 77 máy nông nghiệp với kinh phí 5.298 triệu đồng và triển khai thực hiện 18 dự án (thuộc Chương trình 30a-Tiểu dự án 3) hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho 449 hộ gia đình mua 412 con bò cái giống bò vàng địa phương, 76 máy nông nghiệp với kinh phí 5.919 triệu đồng. Hiện bò đều khỏe mạnh, máy nông nghiệp được các hộ dân sử dụng hiệu quả.

Triển khai dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ 21,47 ha cây xoài Đài Loan và 11,14 ha cây nhãn chín muộn và tổng kinh phí thực hiện là 2.000 triệu đồng. Hiện cây đang sinh trưởng và phát triển bình thường, tỷ lệ sống sau trồng đạt trên 90%.

Thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa: Triển khai 06 mô hình sản xuất lúa áp dụng giống mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa với diện tích 187,46 ha, năng suất bình quân đạt 65 tạ/ha (cao hơn lúa người dân đang trồng khoảng 10 tạ/ha), tổng kinh phí thực hiện 2.418 triệu đồng.

Tổ chức hội nghị đánh giá sản phẩm OCOP huyện với 03 sản phẩm xếp hạng đạt từ 3 - 4 sao đề nghị Hội đồng OCOP tỉnh công nhận: Sản phẩm Táo mèo khô, Dưa mèo (của tổ hợp tác Hoa Sơn Tra, xã Tòà Tình, huyện Tuần Giáo) đánh giá cấp huyện đạt 51 điểm (3 sao) và Cà phê bột HK13 (Công ty cổ phần cà phê Hồng Kỳ) đánh giá cấp huyện đạt 76 điểm (4 sao).

từng chỉ tiêu cụ thể. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cả hệ thống chính trị, các tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới. Kết quả rà soát đến tháng 12/2020, huyện Tuần Giáo có 09 xã cơ bản đạt các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới (đạt từ 15 tiêu chí trở lên; gồm các xã: Quài Nưa, Quài Cang, Quài Tở, Mường Thín, Nà Sáy, Pú Nhung, Rạng Đông, Mùn Chung, Mường Mùn; trong đó có 04 xã: Quài Nưa, Quài Cang, Quài Tở, Mường Thín đã được Ban Chỉ đạo xây dựng NTM của tỉnh đã công nhận cơ bản đạt các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới), 07 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí (gồm các xã: Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Tỏa Tình, Nà Tông, Tênh Phong, Phình Sáng, Mường Khong), 02 xã đạt dưới 10 tiêu chí (gồm các xã: Pú Xi, Ta Ma) và bình quân đạt 13,6 tiêu chí/xã.

1.6. Công tác thủy lợi, nước sinh hoạt và phòng chống thiên tai

- Thường xuyên kiểm tra hiện trạng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn. Hoàn thành bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2019.

- Điều chỉnh bổ sung phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho phù hợp với dự báo diễn biến thiên tai trên địa bàn. Tăng cường công tác chỉ đạo về phòng chống thiên tai, tổ chức trực sẵn sàng trong mùa mưa lũ, thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, diễn biến mưa lũ trên địa bàn để xử lý kịp thời các tình huống đột xuất xảy ra, thiệt hại do thiên tai⁴.

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng và khoa học - công nghệ

2.1. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ổn định, môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp như: thủy điện, cụm công nghiệp phía Đông, sản xuất vật liệu xây dựng thông thường, cơ khí, chế biến nông, lâm sản...

- Sản xuất công nghiệp được duy trì, một số sản phẩm công nghiệp chính: Nước máy: 704.000 m³, đạt 100,6% KH; gạch các loại: 20,1 triệu viên, đạt 100,5% KH; đá khai thác: 32.600 m³, đạt 163% KH.

2.2. Đầu tư xây dựng

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ động làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; tăng cường công tác quản lý chất lượng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện công trình, dự án, tiên độ giải ngân, quyết toán các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đúng quy định. Kết quả thực hiện như sau:

- Kế hoạch vốn giao năm 2020: 323,1 tỷ đồng
- Giá trị khối lượng thực hiện ước đạt: 365,7 tỷ đồng.
- Giá trị thanh toán giải ngân ước đạt: 323,1 tỷ đồng (đạt 100% KH vốn).

⁴ Thiệt hại do thiên tai trong năm: 01 người bị sét đánh chết, 01 người bị thương do bị sét đánh; 320 nhà ở, công trình dân dụng, 6,7 ha lúa xuân không cho thu hoạch, 02 ha lúa mùa bị ảnh hưởng (khắc phục được), 12 con châu bò bị chết, 10 điểm trường bị ảnh hưởng, 50 phai bị cuốn trôi, hư hỏng hoàn toàn, làm sạt lở, bồi lấp nhiều tuyến kênh, nhiều tuyến đường trên địa bàn huyện. Ước tổng kinh phí thiệt hại là 10.900 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- Lập, thẩm định và phê duyệt quyết toán được 73 công trình hoàn thành.

2.3. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị

Tiếp tục tăng cường kiểm tra Quy chế quản lý đô thị, quản lý xây dựng và trật tự đô thị trên địa bàn thị trấn Tuần Giáo. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng một số khu đất tại trung tâm xã, thị trấn⁵. Cấp phép xây dựng cho 26 trường hợp xây dựng nhà ở tư nhân trên địa bàn thị trấn Tuần Giáo.

2.4. Khoa học - công nghệ

Hoàn thành việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tổ chức trồng khảo nghiệm hơn 1.000 cây sâm Ngọc Linh tại xã Tênh Phong. Xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước tại bản Nậm Mu xã Rạng Đông với kinh phí 550 triệu đồng. Tổ chức Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng cấp huyện và lựa chọn 09 mô hình, sản phẩm tiêu biểu tham dự Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng cấp tỉnh lần thứ 4 năm 2020. Tổ chức xét và công nhận sáng kiến của CBCCVN năm 2020.

3. Tài nguyên và môi trường

- Chỉ đạo các xã, thị trấn tăng cường quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quản lý việc khai thác cát, sỏi.... làm vật liệu xây dựng thông thường⁶. Hoàn thành kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho 48 hộ gia đình với diện tích 5,3 ha; cấp đổi, tách giấy chứng nhận QSD đất cho 409 hồ sơ với diện tích 52,8 ha; chuyển mục đích sử dụng đất cho 03 hộ gia đình với diện tích 254 m². Chỉ đạo cơ quan chuyên môn xác nhận biến động cho 250 hồ sơ và xác nhận thế chấp, xóa thế chấp giao dịch bảo đảm cho 270 hồ sơ. Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho 11 công trình, dự án. Tổ chức đấu giá QSD để giao đất có thu tiền sử dụng đất thu ngân sách Nhà nước 23 tỷ đồng.

- Xây dựng Kế hoạch và tuyên truyền ngày nước thế giới (22/3); ngày môi trường thế giới (05/6); chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn được đông đảo quần chúng nhân dân và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện hưởng ứng tham gia.

4. Các ngành dịch vụ

- Các mặt hàng hóa đa dạng phong phú đáp ứng nhu cầu mua sắm và tiêu dùng của nhân dân. Tổ chức kiểm tra, test nhanh các mẫu thực phẩm tại 329 cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đợt kiểm tra liên ngành tết Nguyên đán năm 2020, qua kiểm tra các cơ sở đều đảm bảo ATTP.

⁵ Điều chỉnh cục bộ quy chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại thị trấn Tuần Giáo: khu đất cơ sở làm việc Công an huyện Tuần Giáo; khu đất TMDV 07, OHT 124 (khu đất Thương Nghiệp); khu đất cây xăng số 6; đoạn đầu nối QL6 đường vào khu khoáng nóng; điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nà Tông; điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết trung tâm xã Chiềng Đông...

⁶ Tuy nhiên qua Kiểm tra đã phát hiện và thu giữ 04 đầu máy khai thác cát trên địa bàn xã Chiềng Đông và xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 hộ gia đình với số tiền 06 triệu đồng. Phối hợp với đoàn kiểm tra của UBND tỉnh kiểm tra về việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại mỏ đá Đại Dương tại bản Minh Thắng, xã Quài Nưa.

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 120 hộ gia đình và 6 HTX với tổng số vốn kinh doanh 64 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 290 lao động.

- Hoạt động bưu chính - viễn thông tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công văn, thư, báo được chuyển phát kịp thời, đảm bảo mạng lưới thông tin thông suốt, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính được đẩy mạnh.

5. Tài chính - ngân hàng

5.1. Hoạt động tài chính

Tăng cường công tác quản lý về thu, chi NSNN, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi theo dự toán giao, tuân thủ đúng Luật Ngân sách Nhà nước, kết quả cụ thể:

- Tổng thu ngân sách địa phương: 1.024.843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 21,8% so với năm 2019 (Trong đó thu ngân sách trên địa bàn: 57.950 triệu đồng, đạt 102,4% dự toán).

- Tổng chi ngân sách: 1.024.843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 21,9% so với năm 2019.

- Công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2019 và dự toán ngân sách địa phương năm 2020. Hoàn thành lập dự toán ngân sách địa phương năm 2021.

5.2. Hoạt động ngân hàng

Các ngân hàng đã chủ động về nguồn vốn để đầu tư tín dụng góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn ổn định. Kết quả cụ thể như sau:

- Ngân hàng Chính sách xã hội có tổng nguồn vốn tín dụng đạt 522,4 tỷ đồng, dư nợ đạt 517,2 tỷ đồng, nợ quá hạn chiếm 0,13% tổng dư nợ.

- Ngân hàng No&PTNT có tổng nguồn vốn huy động đạt 490 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 775 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu dưới 2% tổng dư nợ.

- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (phòng giao dịch Tuần Giáo) có tổng nguồn vốn huy động đạt 72 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 81 tỷ đồng.

- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (phòng giao dịch Tuần Giáo) có huy động vốn đạt 80 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 240 tỷ đồng.

II. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

1. Về giáo dục và đào tạo

- Hoàn thành chương trình năm học 2019-2020: Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 99,8%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,9%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 98,8%.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huy động học sinh đến trường năm học 2020-2021 với 27.646 học sinh⁷, đạt 101,1% KH. Tập trung chỉ đạo thực hiện

⁷ Giáo dục Mầm non: 24 trường với 8.209 trẻ, đạt 100,2% KH, giảm 127 trẻ so với cùng kỳ năm trước; huy động trẻ 3 đến 5 tuổi đi học đạt 98,8% trẻ trong độ tuổi; huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đi học đạt 99,8% trẻ trong độ tuổi.

Giáo dục tiểu học: 23 trường với 10.292 học sinh, đạt 100,7% KH, tăng 300 học sinh so với cùng kỳ năm trước; huy động dân số 6 tuổi đi học lớp 1 đạt 99,8% dân số trong độ tuổi; huy động dân số từ 6 đến 10 tuổi đi học tiểu học đạt 99,7% dân số trong độ tuổi.

chương trình sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (cấp tiểu học), mô hình trường học mới (cấp THCS). Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; công tác phát triển đội ngũ giáo viên và đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học được quan tâm⁸. Hoàn thành kế hoạch xây dựng thêm 03 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia lên 54 trường, chiếm 79,4% tổng số trường trên địa bàn huyện⁹.

- Công tác đào tạo: Tổ chức được 33 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo "Đề án 1956" với 1.120 học viên, đạt 100% KH. Phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Điện Biên tổ chức bẻ giảng và trao chứng chỉ cho 15 học viên lớp Trung cấp Lâm sinh; duy trì: 01 lớp trung cấp nghề Công tác xã hội với 21 học viên, 01 lớp Đại học Luật với 32 học viên và 01 lớp Đại học Nông - lâm với 32 học viên. Tổ chức 01 lớp tiếng Mông với 80 học viên.

2. Văn hoá – TDTT và thông tin

- Tổ chức tuyên truyền lưu động được 208 buổi (416 lượt), phục vụ trên 330 nghìn lượt người nghe nhân dịp các ngày lễ, kỷ niệm; đặc biệt là tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19, kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng bộ huyện và Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII (nhiệm kỳ 2020-2025)...

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao. Tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể dục - thể thao nhân dịp xuân Canh Tý 2020. Tham gia Hội diễn nghệ thuật quần chúng công - nông - binh tỉnh Điện Biên lần thứ VI năm 2020, Giải bóng chuyền đoàn kết công - nông - binh tỉnh Điện Biên lần thứ 37 năm 2020 và Giải cầu lông Đảng bộ khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Điện Biên mở rộng năm 2020...

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn làm tốt công tác xây dựng đời sống văn hóa và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", toàn huyện có 12.595 hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, chiếm 66,1%; 125 khối, bản đạt danh hiệu văn hóa, chiếm 70,6%; 125 cơ quan, đơn vị, trường học đạt văn hóa, chiếm 94%; 09 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, chiếm 50%; thị trấn đạt

Giáo dục trung học cơ sở: 17 trường với 6.891 học sinh, đạt 101,1% KH, tăng 305 học sinh so với cùng kỳ năm trước; huy động dân số 11 tuổi đi học lớp 6 đạt 98,6% dân số trong độ tuổi; huy động dân số từ 11 đến 14 tuổi đi học THCS đạt 97,4% dân số trong độ tuổi.

Giáo dục trung học phổ thông: 2.167 học sinh, đạt 106,2% KH (Trong đó: Trường THPT Mùn Chung có 381 học sinh; Trường THPT Tuần Giáo có 985 học sinh; Trường THCS&THPT Quài Tở có 454 học sinh; Trường THPTNT 247 học sinh); Trung cấp GDNN GDTX: 87 học viên, đ

⁸ Về phổ cập giáo dục các cấp học và xóa mù chữ: 19/19 đạt xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 17/19 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

Phát triển đội ngũ giáo viên: Tổng số 1.408 giáo viên, trong đó có 1.126 giáo viên (chiếm tỷ lệ 80%) đạt chuẩn và trên chuẩn; tuy nhiên huyện vẫn còn thiếu 296 giáo viên so với định mức, đặc biệt là giáo viên mầm non còn thiếu 232 giáo viên.

Về đầu tư cơ sở vật chất: Tổng số 903 phòng học, trong đó 633 phòng học kiên cố (chiếm tỷ lệ 70,1%) và 270 phòng học bán kiên cố (chiếm 29,9%).

⁹ Số lượng và tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia giảm do năm học 2020-2021 đã thực hiện sáp nhập 14 đơn vị trường học thành 07 đơn vị trường học mới.

chuẩn văn minh đô thị. Sửa đổi, bổ sung quy ước, hương ước cho 177 khối, bản trên địa bàn.

- Thực hiện tốt việc truyền thanh và truyền hình đảm bảo truyền dẫn phát sóng 18 giờ/ngày; sản xuất 1.858 tin và 488 bài phát trên sóng truyền thanh thanh Đài huyện góp phần đưa tin kịp thời, phản ánh đầy đủ các sự kiện chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội diễn ra trên địa bàn huyện và đảm bảo các chương trình chuyên đề hợp đồng với Đài tỉnh.

3. Công tác y tế - dân số - trẻ em

- Thực hiện nghiêm túc công tác thường trực cấp cứu, khám chữa bệnh với tổng số lần khám bệnh là 86.876 lượt người, điều trị nội trú cho 12.888 lượt người, điều trị ngoại trú cho 1.713 lượt người.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Covid-19 và UBND tỉnh, làm tốt công tác thường trực phòng chống dịch bệnh, chuẩn bị đủ cơ sở thuốc, vật tư, hóa chất cho công tác phòng chống dịch. Phun hóa chất tiêu độc, khử trùng phòng chống dịch Covid-19 tại tất cả các trường học, trợ trung tâm huyện và các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn. Thành lập khu cách ly tập trung và tổ chức cách ly tập trung cho 111 trường hợp, cách ly tại gia đình được 2.920 lượt trường hợp, lấy 293 mẫu xét nghiệm (đều có kết quả âm tính), tất cả những trường hợp trên tình trạng sức khỏe ổn định và hoàn thành cách ly theo quy định.

- Các hoạt động y tế, Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được duy trì và triển khai có hiệu quả, chất lượng công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế từng bước được nâng lên. Tổ chức kiểm tra vệ sinh ATTP tại 681 cơ sở sản xuất, kinh doanh, 54 bếp ăn tập thể của các đơn vị trường học và kiểm tra 51 cơ sở hành nghề y dược tư nhân, qua kiểm tra các cơ sở đều đảm bảo theo quy định. Xây dựng xã Chiềng Đông đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, nâng tổng số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã toàn huyện lên 14 xã, thị trấn¹⁰.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình, hoạt động và các chính sách về Dân số như: Tầm soát các dị dạng, dị tật bẩm sinh; kiểm soát tốc độ gia tăng, tỷ số giới tính; truyền thông về Dân số; cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình... Dân số trung bình năm 2020 đạt 89.625 người.

- Triển khai Kế hoạch phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025 và Tháng hành động vì trẻ em năm 2020. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai nhiều chương trình về bảo vệ và chăm sóc trẻ em trên địa bàn¹¹.

¹⁰ Sơn Hòa (2018), Chiềng Sơn, Quất Sơn (2017), Quất Nưa (2013), Thị trấn Chiềng Đông (2014), Chiềng Sơn (2015), Tỏa Tinh, Tênh Phong (2015), Pú Nhung, Mường Thén (2016), Nà Sáy (2017), Mường Mùn, Mùn Chung (2018), Rạng Đông (2019), Chiềng Đông (2020).

¹¹ Cấp 993 thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi. Vận động 80 cơ quan, đơn vị đóng góp xây dựng quỹ Bảo trợ trẻ em với 300 triệu đồng. Chi hỗ trợ 325 triệu đồng cho các cơ quan, đơn vị nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu. Chi hỗ trợ kinh phí cho 13 trẻ em khuyết tật khám và phẫu thuật tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên; 01 trẻ em bị mắc bệnh Động kinh khám và điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội và hỗ trợ cho 02 gia đình có trẻ em bị tử vong do đuối nước với tổng kinh phí: 9.5 triệu đồng.

Phối hợp với Chương trình phát triển vùng huyện Tuần Giáo tổ chức 01 cuộc hội thảo đánh giá tác động của đại dịch Covid - 19 tới trẻ em trên địa bàn huyện. Phối hợp với Tổ chức Rồng xanh hỗ trợ cho 01 trẻ em xã Mường Mùn bị viêm màng não khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên với số tiền 2,4 triệu đồng.

4. Thực hiện các chính sách xã hội

4.1. Về xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội

- Triển khai lồng ghép Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 và các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn nhằm đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm xuống ước còn 33,37%, đạt 100% KH (giảm 5% so với cuối năm 2019).

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đúng đối tượng và đúng chế độ¹².

- Toàn huyện có 3.712 lao động tham gia BHXH, tỷ lệ che phủ BHYT đạt 98,7% dân số. Tổng thu các loại hình đạt 122.649 triệu đồng, thực hiện chi kịp thời, đầy đủ chế độ cho các đối tượng với tổng số tiền 111.921 triệu đồng.

4.2. Về phòng, chống tệ nạn xã hội và lao động, việc làm

- Tiếp tục tổ chức điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone cho 410 bệnh nhân. Tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng cho 45 người, đạt 100% KH, cai bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh cho 36 người, đạt 120% KH. Tổng số ca nhiễm HIV có mặt ở địa phương quản lý được là 554 bệnh nhân; số bệnh nhân đi làm xa (mất đầu) là 32 bệnh nhân và số bệnh nhân đang được điều trị là 542 bệnh nhân.

- Giải quyết việc làm 1.000 lao động, đạt 100% KH, xuất khẩu lao động 1 trường hợp, đạt 20% KH. Phối hợp với các doanh nghiệp, công ty ngoài tỉnh lập danh sách, hỗ trợ vé xe cho 92 người lao động về nghỉ Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 với kinh phí 83,7 triệu đồng. Hỗ trợ kinh phí cho 5 hộ kinh doanh, 3 người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19 với kinh phí 09 triệu đồng.

5. Công tác dân tộc, tôn giáo

Rà soát và lập danh sách 167 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức thăm hỏi, chúc tết người có uy tín với kinh phí 100 triệu đồng; tiếp

¹² Chính sách người có công: Trợ cấp hàng tháng 106 đối tượng người có công; chi trả chế độ mai táng phí cho 72 người hoạt động kháng chiến, cựu chiến binh, dân công hỏa tuyến; tổ chức thăm hỏi, tặng 355 xuất quà (trích Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa") và 361 xuất quà của Chủ tịch nước cho các đối tượng và gia đình người có công với cách mạng nhân dịp tết Nguyên đán và ngày thương binh liệt sỹ; cấp 433 thẻ BHYT cho các đối tượng người có công với cách mạng. Điều dưỡng tại nhà cho 17 đối tượng người có công với kinh phí 18,87 triệu đồng và hỗ trợ điều trị tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh cho 20 đối tượng. Vận động được 1.000 lao động được điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone với 270 triệu đồng. Hỗ trợ từ nguồn quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" hỗ trợ sửa chữa, làm mới mái ở cho 05 hộ người có công với kinh phí 120 triệu đồng. Chi trả hỗ trợ người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp hàng tháng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 cho 94 đối tượng với kinh phí 141 triệu đồng.

Chính sách bảo trợ xã hội: Trợ cấp xã hội hàng tháng 3.172 đối tượng; trợ cấp đột xuất 87,375 tấn gạo cho 1.290 hộ nghèo (5.825 nhân khẩu) không có khả năng ăn tết với kinh phí 1.241 triệu đồng; cấp 145,305 tấn gạo (từ Cục dự trữ Quốc gia) cứu đói giáp hạt năm 2020 cho 2.080 hộ (9.687 nhân khẩu) thuộc hộ nghèo thiếu đói về lương thực. Cấp 31.635 thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội; trợ cấp đột xuất cho 71 hộ do cháy nhà, mưa đá, tai nạn giao thông, tai nạn rủi ro với kinh phí 320 triệu đồng. Chi trả hỗ trợ tiền điện cho 8.172 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với kinh phí 5,2 tỷ đồng. Chi trả hỗ trợ cho 10.184 hộ nghèo, hộ cận nghèo (49.865 nhân khẩu) và 2.986 đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 với tổng kinh phí 41,8 tỷ đồng.

tục cấp 136.065 ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Tham gia bồi dưỡng tập huấn Chương trình 135 năm 2020 tại tỉnh Điện Biên với 402 người.

- Toàn huyện có 27 điểm nhóm, thuộc 26 bản tại 09 xã bị ảnh hưởng với 621 hộ (3.725 khẩu) (tăng 23 hộ, 100 khẩu so với cuối năm 2019, nguyên nhân do tách hộ, đẻ thêm). Tăng cường quản lý, nắm chắc tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn¹³. Tổ chức cấp giấy chứng nhận sinh hoạt đạo Tin lành cho 14 điểm nhóm. Tổ chức tặng quà, chúc tết nhân dịp tết cổ truyền dân tộc Mông và Lễ Noel tại các điểm nhóm đăng ký sinh hoạt tôn giáo trên địa bàn.

III. Lĩnh vực tư pháp, thanh tra và tổ chức xây dựng chính quyền

1. Công tác tư pháp

- Triển khai các văn bản chỉ đạo về phổ biến và giáo dục pháp luật; kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Tổ chức 207 cuộc tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật với 13.469 lượt người nghe; tổ chức kiểm tra nghiệp vụ công tác Tư pháp tại 18 xã, thị trấn; tổ chức tập huấn phần mềm hệ thống thông tin đăng ký quản lý hộ tịch, các văn bản có liên quan đến công tác hộ tịch và tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính và công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và cơ sở cai nghiện bắt buộc. Duy trì hoạt động tổ hòa giải tại 177 khối bản với 895 thành viên; tổ chức 05 hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải cơ sở cho 297 hòa giải viên.

- Công tác quản lý, đăng ký hộ tịch, chứng thực thực hiện theo quy định. Thực hiện tốt công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; thẩm định 31 hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục bắt buộc; 54 hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; cập nhật, niêm yết, công bố công khai kịp thời các thủ tục hành chính theo quy định.

2. Công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Triển khai thực hiện 06 cuộc thanh tra hành chính¹⁴ và 01 cuộc thanh tra trách nhiệm¹⁵. Công tác phòng chống tham nhũng tiếp tục được tăng cường; tiếp tục triển khai đường dây nóng để tiếp nhận thông tin, phản ánh của người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tổ chức 187 lượt tiếp công dân thường xuyên, định kỳ với 206 người (Trong đó: Cấp huyện tiếp 62 lượt với 79 người và cấp xã tiếp 125 lượt với 127 người) với các nội dung: Đề nghị, phản ánh về việc tranh chấp đất đai, một số chế độ chính sách xã hội... Tiếp nhận 198 đơn, đơn ưu tiên kiện tụng lý là 188 đơn

¹³ Phát hiện 03 người phụ nữ lạ mặt đến địa bàn bản Kép, xã Chiềng Sinh phát 16 quyển tài liệu, 04 ấn phẩm dạng báo viết và 20 vật gọi là bùa hộ mệnh" liên quan đến tuyên truyền "Pháp luân công" cho 04 hộ, 05 khẩu; 28 trường hợp là các đối tượng chức sắc, chức việc trong các điểm nhóm tôn giáo trên địa bàn đi học giáo lý, giáo luật tại các tổ chức tôn giáo trong và ngoài địa bàn.

¹⁴ Trong đó đã ban hành kết luận 04 cuộc thanh tra (kiểm điểm 20 cá nhân để xây ra sai phạm và thu hồi 16,6 triệu đồng) và đang triển khai 02 cuộc thanh tra.

¹⁵ Đã ban hành kết luận thanh tra: Kiểm điểm 05 cá nhân để xây ra sai phạm và thu hồi 607,3 triệu đồng.

(Trong đó: Cấp huyện tiếp nhận 87 đơn và cấp xã tiếp nhận 101 đơn), gồm: 02 đơn khiếu nại, 04 đơn tố cáo và 182 đơn đề nghị, phản ánh; UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn giải quyết theo quy định.

3. Tổ chức xây dựng chính quyền

- Hoàn thành sáp nhập 14 đơn vị trường học thành 07 đơn vị trường học mới. Thực hiện đưa Công an chính quy về giữ chức vụ Trưởng, Phó Công an cấp xã. Tổ chức tuyển dụng 16 công chức cấp xã; hoàn thành việc thăng hạng cho 169 viên chức của các đơn vị sự nghiệp giáo dục; tinh giản biên chế được 38 người ... Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc niêm yết thủ tục hành chính, đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính tại các xã, thị trấn và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng HĐND-UBND huyện. Tổ chức tập huấn, cấp chứng thư số cho cơ quan, đơn vị và cá nhân; thực hiện việc ứng dụng chữ ký số vào phần mềm quản lý và điều hành tại các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn. Tích cực khai thác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng Internet.

- Tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu chính quyền cấp huyện và cấp xã với nhân dân trên địa bàn quản lý theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. Hoàn thành điều chỉnh địa giới hành chính theo Quyết định 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính Phủ.

IV. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, mệnh lệnh cấp trên. Thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu nhất là trước, trong và sau các ngày lễ, kỷ niệm, tết dương lịch, tết Nguyên đán,... Tổ chức thành công lễ giao quân năm 2020 với 140 tân binh (120 quân sự; 20 công an). Tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP&AN, giáo dục quốc phòng, ra quân huấn luyện, tập huấn và củng cố lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo chất lượng¹⁶. Tổ chức thanh tra 01 đơn vị và kiểm tra 12 đơn vị DQTV về công tác quân sự - quốc phòng năm 2020.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân trong phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc". Triển khai thực hiện thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn. Chủ động làm tốt công tác phòng ngừa, liên tục tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội¹⁷.

¹⁶ Tổ chức 05 lớp bồi dưỡng kiến thức QP&AN đối tượng 4 cho 270 đối tượng (kết quả đạt khá); tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP&AN đối tượng 3 cho 270 đối tượng (kết quả đạt khá) với 515 người tham gia; tập huấn cán bộ thường trực tại Trung đoàn 741 với 06 đ/c; tham gia tập huấn DQTV tại tài với 80 đ/c; tổ chức tập huấn lực lượng thường trực cho 31 đ/c; tổ chức 01 lớp tập huấn cán bộ BCH cơ quan, cán bộ kiêm nhiệm công tác quân sự với 21 đ/c; tổ chức 05 lớp tập huấn Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thôn đội trưởng với 317 đ/c; 01 lớp tổ thông tin, trinh sát, công binh, hóa học, phòng hóa, quân y với 87 đ/c... (kết quả chung đạt loại khá). Củng cố 40 đơn vị DQTV với tổng quân số 1.760 đ/c.

¹⁷ Tội phạm về hình sự: Xây ra 20 vụ, bắt 31 đối tượng về hành vi đánh bạc trái phép, trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, hiếp dâm với người dưới 16 tuổi... Công an huyện đã tập trung điều tra, làm rõ 18/20 vụ, đạt 90%. Lập hồ sơ đưa 27 đối tượng vào cơ sở giáo dục bắt buộc (vượt 35%). Phối hợp bắt 02 đối tượng truy nã. Phối hợp với phòng PC02 Công an tỉnh điều tra làm rõ 01 vụ giết người xảy ra tại thị trấn Tuần Giáo làm 03 người chết (đối tượng dùng dao đâm chết 02 người sau đó tự sát bằng hung khí gây án).

Vận động nhân dân giao nộp 176 khẩu súng các loại, 13 kiếm tự tạo, 01 côn tự tạo, 01 đạn pháo, 01 đầu đạn pháo, 08 viên đạn quân dụng, 03 nòng súng kíp và 14 kích điện đánh bắt thủy sản trái phép. Thụ lý, điều tra làm rõ 102 vụ (138 bị can), đạt tỷ lệ 92,7%, kết thúc điều tra chuyển cơ quan CSĐT Công an tỉnh, Công an huyện Mường Ảng điều tra theo thẩm quyền 07 vụ với 09 bị can, chuyển Viện kiểm sát nhân dân huyện đề nghị truy tố 93 vụ với 120 bị can, tạm đình chỉ điều tra 03 vụ với 01 bị can và chuyển kỳ sau tiếp tục điều tra 07 vụ với 08 bị can. Tiếp nhận và giải quyết 33/35 tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố về tội phạm, đạt tỷ lệ 94,3%. Tăng cường công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu góp phần hạn chế tình trạng xuất cảnh trái phép¹⁸. Tiếp tục tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành Luật giao thông đường bộ¹⁹. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội để tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng bộ huyện Tuần Giáo.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Những mặt đạt được

Trong năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội của huyện có những chuyển biến tích cực trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, nổi bật trên các mặt:

- Kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp ổn định. Công tác quản lý ngân sách được bảo đảm. Tiến độ triển khai thực hiện, giải

Tội phạm ma túy: Phá thành công 04 chuyên án, bắt 07 đối tượng; phát hiện 84 vụ với 94 đối tượng về hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, thu giữ 5.933,84g Heroin, 1.409 viên ma túy tổng hợp. Khởi tố 72 vụ án với 83 bị can, xử phạt VPHC 19 đối tượng, nộp ngân sách 24,5 triệu đồng. Phối hợp với phòng PC04, PC08, PA06 Công an tỉnh, Công an huyện Mường Ảng và Cục Hải quan tỉnh Điện Biên phá thành công 02 chuyên án, bắt 02 đối tượng về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tổ chức phá nhỏ, tiêu hủy 714 cây thuốc phiện (vô chủ).

Vi phạm pháp luật về trật tự xã hội: Phát hiện 10 vụ, 35 đối tượng về hành vi đánh bạc và gây rối trật tự công cộng. Quyết định xử phạt hành chính 07 vụ với 14 đối tượng, nộp ngân sách nhà nước 20,55 triệu đồng.

Tai, tệ nạn xã hội: Xảy ra 08 vụ tự tử, 01 vụ đuối nước và 04 vụ tai nạn rui ro làm 14 người chết.

¹⁸ Phát hiện 39 trường hợp xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, 01 trường hợp xuất cảnh sang Lào, trong đó 30 trường hợp đã quay trở về địa phương và dẫn theo 04 người đàn ông quốc tịch Trung Quốc, 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào địa bàn; lập hồ sơ, làm rõ động cơ, mục đích, xử phạt vi phạm hành chính đối với 08 trường hợp, thu nộp ngân sách 22,25 triệu đồng và yêu cầu thực hiện cách ly theo đúng quy định.

Quản lý, giám sát hoạt động của 10 đoàn có yếu tố nước ngoài (14 người nước ngoài), 10 người quốc tịch Trung Quốc đến làm việc và 178 lượt người nước ngoài đến thăm thân, du lịch tại địa bàn. Tổ chức xác minh 03 trường hợp đề nghị cấp hộ chiếu, 82 trường hợp công dân không được phía Trung Quốc cho cư trú và 1 trường hợp từ vong tại Trung Quốc theo yêu cầu của Công an tỉnh.

¹⁹ Xây dựng 04 phòng sự về cao điểm đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; tổ chức 03 buổi tuyên truyền lưu động, 48 buổi tuyên truyền tại các trường học, khu dân cư về Luật giao thông đường bộ, PCCC và các biện pháp đảm bảo an toàn 803 lượt người tham gia giao thông, tặng 144 mũ bảo hiểm và 2.000 khẩu trang cho học sinh, người tham gia giao thông để phòng, chống dịch Covid-19.

Tổ chức cho 560 hộ gia đình, kinh doanh ký cam kết chấp hành các quy định về hành lang ATGT, nhắc nhở 1.131 hộ gia đình không lấn chiếm hành lang ATGT, tạm giữ 34 biển quảng cáo, 16 ô dù và nhiều đồ vật khác. Phối hợp với Sở GTVT, Thanh tra giao thông tỉnh Điện Biên lập biên bản, nhắc nhở 07 hộ gia đình tháo dỡ phần mái nhà coi nói vi phạm hành lang GTĐB.

Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, phát hiện nhắc nhở 1.678 trường hợp chấp hành Luật GTĐB, lập biên bản 1.255 trường hợp vi phạm, tước 51 giấy phép lái xe, tạm giữ 97 xe mô tô, xử phạt hành chính 1.210 trường hợp nộp ngân sách nhà nước 686,2 triệu đồng. Tuy nhiên trong năm vẫn xảy ra 03 vụ tai nạn, va chạm giao thông làm 01 người chết, 02 người bị thương, thiệt hại tài sản ước tính khoảng 130,5 triệu đồng.

Trong năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội của huyện có những chuyển biến tích cực trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, nổi bật trên các mặt:

- Kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp ổn định. Công tác quản lý ngân sách được bảo đảm. Tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân của các công trình, dự án (đặc biệt là các công trình do xã làm chủ đầu tư) có chuyển biến tích cực.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội cơ bản đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; thực hiện tốt việc giãn cách xã hội, cách ly tập trung trong phòng, chống dịch Covid-19. Công tác an sinh xã hội được đảm bảo, đặc biệt đã chi trả hỗ trợ kịp thời cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

- Kỷ cương, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước đang từng bước được nâng lên; quốc phòng an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

II. Một số hạn chế, yếu kém

- Trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp: Còn một số hộ gia đình, cá nhân tại xã Ta Ma phát nương rẫy vào rừng.

- Trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường: Việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình tại một số xã, thị trấn còn chậm.

- Công tác xây dựng chính quyền: Một số nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính tại một số xã, thị trấn chưa được quan tâm đúng mức; việc thực hiện chế độ báo cáo của một số cơ quan, đơn vị có lúc chưa kịp thời, chất lượng báo cáo chưa cao.

- Công tác quốc phòng, an ninh: Tình hình trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định như: mua bán, sử dụng ma túy, tranh chấp đất đai...

III. Nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém

- Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sản xuất đời sống của nhân dân.

- Một số cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn chưa chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện, chưa nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, đặc biệt là các xã vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ, hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn huyện trong việc triển khai các chương trình, dự án. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn chưa chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm chưa cao.

- Một số xã chưa thực sự quan tâm nhiều đến chất lượng của tài liệu kiểm chứng trong chấm điểm CCHC; việc thực hiện chế độ báo cáo chưa được các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn quan tâm đúng mức.

- Năng lực của một số công chức còn hạn chế. Một bộ phận nhân dân nhất là người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức, quyết tâm phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI,
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG-AN NINH NĂM 2021

A. MỤC TIÊU

Tiếp tục khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển kinh tế, đặc biệt đẩy mạnh Tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn vốn nhằm triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính nhất là cải cải thủ tục hành chính, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự và khối đoàn kết các dân tộc trên địa bàn huyện.

B. NHIỆM VỤ

I. Lĩnh vực kinh tế

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

1.1. Phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp

- Đẩy mạnh Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng các giống mới vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Đảm bảo sản lượng cây lương thực đạt 37.540 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 19.000 tấn.

- Khuyến khích phát triển cây công nghiệp ngắn ngày để tận dụng tối đa khả năng canh tác trên đất một vụ lúa. Tập trung chăm sóc, bảo vệ 342 ha cây cà phê (phần đầu sản lượng đạt 420 tấn) và 1.320 ha cây cao su (phần đầu sản lượng khai thác đạt 843,6 tấn mù khô); nhân rộng diện tích của cây mắc ca theo kế hoạch của tỉnh. Tăng cường các biện pháp chăm sóc, bảo vệ đối với diện tích cây lâm sản ngoài gỗ hiện có.

- Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, chống đói, chống rét cho đàn gia súc, gia cầm. Đảm bảo tốc độ tăng đàn, phần đầu đàn trâu đạt 18.500 con, đàn bò đạt 16.350 con, đàn lợn đạt 50.000 con, tổng đàn gia cầm 700.000 con. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 295 ha, tổng sản lượng đạt trên 380 tấn.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép. Tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển rừng, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: Trồng 50 ha rừng phòng hộ, 400 cây các loại nhân dịp tết trồng cây và trồng cây phân tán, khoanh nuôi tái sinh mới được thêm 650 ha... Phần đầu độ che phủ rừng đạt 39%.

1.2. Phát triển nông thôn

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) huyện Tuần Giáo giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên cơ sở lồng ghép, phát huy tối đa nguồn lực của huyện và của các chương trình, dự án khác thực hiện trên địa bàn; ưu tiên triển khai thực hiện trước các công trình hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, điện, thủy lợi, giáo dục, y tế, nước sạch... các

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư và triển khai các công trình đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, làm tốt công tác phối hợp với MTTQ triển khai giám sát cộng đồng. Đẩy nhanh tiến độ quyết toán những công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo thời gian quy định.

- Tiếp tục tăng cường kiểm tra Quy chế quản lý đô thị, quản lý xây dựng và trật tự đô thị trên địa bàn thị trấn Tuần Giáo. Tiếp tục chăm sóc, theo dõi mô hình trồng khảo nghiệm cây sâm Ngọc Linh trên địa bàn xã Tênh Phong.

3. Tài nguyên và môi trường

Tăng cường công tác quản lý nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm luật về tài nguyên đất, nước, khoáng sản và môi trường. Đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân và công tác GPMB nhằm đảm bảo tiến độ các công trình, dự án. Tăng cường công tác tuyên truyền, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp đất đai trên địa bàn. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch.

4. Phát triển các ngành dịch vụ

- Đẩy mạnh hoạt động thương mại dịch vụ, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia có sự quản lý của Nhà nước, chú trọng các mặt hàng thiết yếu phục vụ đồng bào các dân tộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích đầu tư hạ tầng để phát triển mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội; đa dạng hóa loại hình, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ. Đẩy mạnh tốc độ phát triển dịch vụ bưu chính, viễn thông và CNTT tới vùng sâu, vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

5. Tài chính – ngân hàng

- Thực hiện điều hành dự toán thu chi ngân sách năm 2021 linh hoạt theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Tăng cường quản lý thu ngân sách trên địa bàn, tích cực đôn đốc xử lý nợ đọng thuế. Phân đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 53.000 triệu đồng.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi tiêu hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng quy định của luật ngân sách, đảm bảo các khoản dự phòng chi cho các yêu cầu nhiệm vụ chi cấp bách, đột suất phát sinh trên địa bàn. Dự kiến tổng chi ngân sách đạt 683.486 triệu đồng.

- Các ngân hàng tăng cường huy động vốn tại địa phương, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho các hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Nâng dư nợ tín dụng để tháo gỡ khó khăn về vốn cho các đơn vị, hộ gia đình sản xuất, tập trung xử lý nợ xấu. Thực hiện kịp thời các chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng đúng quy định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

II. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

1. Giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị trường học giai đoạn 2018-2021 đảm bảo kế hoạch và rà soát, xây dựng kế hoạch 2022-2025. Tích cực tuyên truyền, duy trì sỹ số học sinh; vận động đưa học sinh lớp 3, 4, 5 từ các điểm bản

về trung tâm; sắp xếp tăng số học sinh/lớp, tăng số lớp/trường nhưng không vượt quá quy định. Phân đầu chất lượng giáo dục, các tỉ lệ huy động và duy trì số lượng học sinh bằng và cao hơn năm 2020.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (cấp tiểu học), mô hình trường học mới (cấp THCS) và triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với lớp 2 và lớp 6.

- Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng; tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, nhất là vùng sâu, vùng cao. Duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại các xã, thị trấn. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo đúng quy định

- Tiếp tục thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956; trong đó tập trung vào những ngành nghề như Kỹ thuật chăn nuôi gà đồi, vườn; Kỹ thuật trồng thâm canh cây ăn quả; Kỹ thuật sản xuất rau an toàn; Kỹ thuật chăn nuôi, phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm... , từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu tạo việc làm cho trên 80% học viên sau khi tốt nghiệp, góp phần nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho các học viên.

2. Văn hoá – TDTT và thông tin

- Tiếp tục thông tin kịp thời, chính xác tình hình dịch bệnh Covid-19. Đẩy mạnh tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn diễn ra trong năm, đặc biệt Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tích cực tuyên truyền, khuyến khích nhân dân tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của người dân, góp phần duy trì, nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Đảm bảo thời lượng phát sóng truyền thanh, dừng việc phát sóng truyền hình analog và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng trạm phát sóng số hóa mặt đất trên địa bàn theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình tương tự mặt đất của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin tuyên truyền góp phần triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng đa dạng và phong phú của nhân dân.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, tăng cường giám sát dịch tễ, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các ca bệnh, không để dịch xảy ra. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Chú trọng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và đảm bảo chế độ chính sách BHYT, người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi. Quản lý chặt chẽ các cơ sở hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn. Tăng cường hoạt động quản lý, kiểm tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trong năm phấn đấu xây dựng thêm 02 xã: Ta Ma và Mường Khong đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

- Tuyên truyền, quán triệt sâu rộng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách Dân số, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết, phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới và các hoạt động truyền thông về dân số. Chú trọng tầm soát, chẩn đoán sớm, bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm từng bước nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để phổ biến Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, từng bước nâng cao chất lượng dân số, góp phần giảm các nguy cơ tử vong của trẻ em. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với trẻ em.

4. Thực hiện các chính sách xã hội

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đúng quy định. Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người lao động, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, liên kết mở rộng thị trường lao động trong và ngoài tỉnh nhằm tăng chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc tại các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động. Phấn đấu trong năm tạo việc làm mới cho 1.000 lao động.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền từ đó tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện các chương trình giảm nghèo, thúc đẩy người dân có ý chí vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4-5%.

- Tích cực tuyên truyền Luật BHXH, BHYT tới các đơn vị sử dụng lao động và toàn thể nhân dân. Tiếp tục khai thác, mở rộng các loại hình bảo hiểm tạo điều kiện cho các cá nhân, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia. Thực hiện cài đặt phêm mềm VssID trên điện thoại thông minh để hỗ trợ theo dõi bảo hiểm xã hội cho các cá nhân, tổ chức.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về tác hại của ma túy và tổ chức cai nghiện bắt buộc cho 20 đối tượng và cai nghiện cộng đồng cho 30 đối tượng, nâng cao hiệu quả giải quyết một số vấn đề xã hội sau cai nghiện ma túy; tiếp tục tổ chức điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone. Tăng cường công tác giám sát, phát hiện và quản lý điều trị bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS nhằm giảm tối đa số người mắc mới.

5. Công tác dân tộc và tôn giáo

Thực hiện 12 điều kiện tiên quyết để xây dựng huyện đạt chuẩn quốc gia về dân tộc trên địa bàn huyện đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở để các chương trình, dự án triển khai có hiệu quả. Tiếp tục quản lý hoạt động tôn giáo trên địa bàn.

III. Lĩnh vực tư pháp, thanh tra và tổ chức xây dựng chính quyền

- Tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Phối hợp, lồng ghép tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý cho nhân dân để bảo vệ các

quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Tiếp tục đẩy mạnh công tác theo dõi thi hành pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, hòa giải ở cơ sở, công tác hộ tịch, chứng thực và xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Tăng cường thanh tra trong việc quản lý, thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân ngay từ cơ sở; chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết đơn thư của công dân theo thẩm quyền; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong việc tiếp công dân, đối thoại với nhân dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức và đơn vị trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh; thực hiện tốt pháp luật dân chủ ở cơ sở. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP, ngày 23/4/2018 của Chính phủ về quy chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo và các chính sách liên quan đến công tác cán bộ, CCVC theo đúng quy định nhà nước. Phối hợp với HĐND huyện tổ chức thành công bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

IV. Lĩnh vực quốc phòng và an ninh

- Thường xuyên duy trì nghiêm túc các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động đối phó với các tình huống, diễn biến, không để xảy ra các tình huống bất ngờ; đẩy mạnh xây dựng củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ. Chỉ đạo các xã trong kế hoạch chuẩn bị đầy đủ mọi nội dung để tổ chức chiến đấu phòng thủ cấp xã, diễn tập Ứng phó lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, diễn tập Ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2021, triển khai công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng, công tác quân sự địa phương thực hiện theo kế hoạch.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, chủ động tấn công trấn áp các loại tội phạm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự ATXH. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp kiềm chế giảm tai nạn giao thông, đẩy lùi tệ nạn xã hội trên địa bàn, kiềm chế hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, di dịch cư tự do, không để xảy ra điểm nóng về an ninh trật tự. Xây dựng, triển khai các phương án, kế hoạch bảo vệ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

C. CÁC GIẢI THÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG-AN NINH NĂM 2021

I. Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương

1. Về phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

- Tăng cường chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu sản xuất của ngành nông nghiệp theo kế hoạch. Chủ động xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống và kiểm soát chặt chẽ tình hình diễn biến dịch, bệnh trên

cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh thực hiện các nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tập trung triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh; mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả. Tiếp tục kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển các loại cây công nghiệp, cây dược liệu có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện và quy hoạch của tỉnh.

- Đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng thay thế. Tiếp tục phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; thực hiện việc giao rừng và giao đất lâm nghiệp chưa có rừng cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo Kế hoạch của tỉnh. Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình đầu tư cho nông thôn, nông nghiệp.

2. Về phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng và tài nguyên - môi trường

- Tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất công nghiệp theo kế hoạch. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản; tiếp tục thực hiện tốt chính sách khuyến công đối với các cơ sở tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tiến độ, chất lượng các công trình xây dựng để đảm bảo tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn. Tích cực tuyên truyền phổ biến chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong thực hiện các dự án hạ tầng phục vụ trực tiếp lợi ích của nhân dân để từng bước tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên - môi trường; tăng cường công tác phối hợp nhằm giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp đất đai trên địa bàn.

3. Phát triển các ngành dịch vụ

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hệ thống phân phối bán lẻ tới các khu vực vùng sâu, vùng cao đảm bảo cung cấp các mặt hàng thiết yếu và thu mua nông sản hàng hóa cho nhân dân, nhằm tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi cho người sản xuất và tiêu dùng.

4. Tăng cường công tác quản lý, điều hành thu chi ngân sách

Tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách, tăng cường các biện pháp chống thất thu ngân sách, hạn chế thấp nhất việc nợ đọng thuế. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất. Tăng

cường kiểm tra, giám sát chi tại các đơn vị dự toán đảm bảo đúng Luật Ngân sách, đảm bảo dự phòng chi cho các yêu cầu nhiệm vụ chi cấp bách, đột xuất phát sinh trên địa bàn.

II. Đảm bảo an sinh xã hội gắn với giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống nhân dân

1. Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề; đẩy mạnh công tác phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin, nhu cầu tuyển dụng tới người lao động chưa có việc làm để người lao động có cơ hội được lựa chọn ngành nghề đào tạo phù hợp. Nâng cao hiệu quả của chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động.

- Tăng cường lồng ghép các chương trình, dự án và chính sách đối với hộ nghèo, người nghèo để tập trung huy động các nguồn lực cho công tác xóa đói giảm nghèo. Thực hiện tốt công tác tổng rà soát hộ nghèo, gắn trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền mỗi địa bàn với kết quả tổ chức triển khai thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo. Tăng cường tuyên truyền vận động để nâng cao quyết tâm thoát nghèo của người dân; đánh giá kết quả công tác giảm nghèo một cách thực chất, công khai từ đó có những giải pháp thực hiện hiệu quả.

2. Giải quyết các vấn đề xã hội

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục, tổ chức đánh giá kết quả học tập chính xác, khách quan. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên chưa đạt chuẩn. Gắn học tập với thực hành phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đẩy mạnh công tác xã hội hóa tại những địa bàn có điều kiện.

- Tăng cường năng lực của chính quyền cơ sở và các cơ quan, đơn vị trong đấu tranh, khống chế làm giảm tệ nạn xã hội. Gắn các hoạt động của các tổ chức đoàn thể và chính quyền cơ sở với tham gia đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống HIV-AIDS ngay tại địa bàn. Phối hợp với MTTQ và các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến Luật hôn nhân và gia đình nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn.

- Mở rộng mô hình điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone. Quản lý chặt chẽ sau cai nghiện gắn với trách nhiệm của gia đình và chính quyền cơ sở, chú trọng giải quyết việc làm cho các đối tượng sau khi cai nghiện.

- Tăng cường chất lượng hoạt động của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi. Nâng cao y đức của người thầy thuốc, thực hiện tốt quy chế chuyên môn và quy tắc ứng xử trong các cơ sở y tế. Tăng cường cán bộ y tế cho các đơn vị tuyến cơ sở nhằm hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các xã, góp phần nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách, người dân bị thiệt hại do thiên tai, đồng bào dân tộc

thiếu số; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất và đời sống cho người nghèo để góp phần ổn định đời sống xã hội.

- Tiếp tục tăng cường quản lý hoạt động tôn giáo trên địa bàn, thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo.

III. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường vai trò giám sát của nhân dân và các tổ chức đoàn thể. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, thực hiện rà soát, kiến nghị sửa đổi kịp thời các thủ tục hành chính không phù hợp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan hành chính.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới lề lối làm việc của chính quyền cơ sở theo hướng chỉ đạo điều hành công việc sát dân, gần dân, kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách. Phát huy vai trò của nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu...

- Quan tâm, chấn chỉnh để thực hiện tốt hơn chế độ thông tin báo cáo của các cơ quan, đơn vị và làm cơ sở xét thi đua khen thưởng đảm bảo chặt chẽ, khách quan và minh bạch.

- Tiếp tục tăng cường năng lực phòng thủ, chủ động đối phó với các tình huống, diễn biến, không để xảy ra các tình huống bất ngờ; Chú trọng kết hợp củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, bảo đảm các điều kiện cơ bản về sản xuất, đời sống cho đồng bào các dân tộc ở các địa bàn trọng điểm.

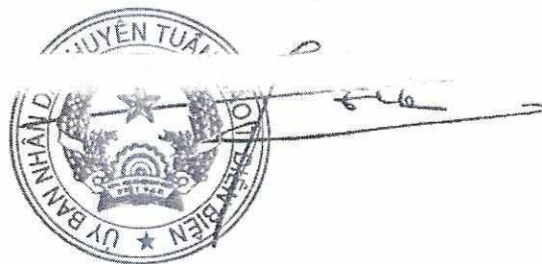
- Thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án quốc gia về phòng chống tội phạm; chủ động phòng ngừa, đấu tranh kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm hạn chế tai nạn, bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Trên đây là Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021 của UBND huyện Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch – Đầu tư;
- TT Huyện ủy;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Đức

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSTW (VỐN TRONG NƯỚC KHÔNG BAO GỒM VỐN TPCP) NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Khối lượng thực hiện		Khối lượng Giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công	
	TỔNG SỐ		294.875	129.017,5	21.562,5	107.455,0	137.915,3	218.226,0	21.562,5	107.455,0	211.652,7	
I	Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới		147.422	64.979,8	4.029,8	60.950,0	66.633,8	105.254,6	4.029,8	60.950,0	99.990,4	
a	Công trình tiếp chi		84.573	19.415,8	3.429,8	15.986,0	21.564,6	59.237,4	3.429,8	15.986,0	54.226,4	
*	Ban QLDA các công trình		54.043	7.427,5	33,3	7.394,2	11.397,0	33.146,6	33,3	7.394,2	29.298,0	
1	Đường QL6 - bán Nùm - bán Hóc	Xã Mường Mùn	7.000	461,2	-	461,2		5.970,4		461,2	5.970,4	
2	Đường từ bán Xuân Tươi - bán Hòm	Xã Mường Mùn	3.500	33,3	33,3	-		2.958,5	33,3		2.958,5	
3	Đường QL279 - TT xã Pù Nhung	Xã Quai Nưa, Pù Nhung	14.950	2.688,0	-	2.688,0	6.536,6	14.036,6	-	2.688,0	10.188,0	
4	Nhà văn hoá thể thao xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	2.823	1.504,5	-	1.504,5	2.284,4	2.377,0		1.504,5	2.377,0	
5	Nhà văn hoá thể thao xã Toá Tỉnh	Xã Toá Tỉnh	2.900	113,0	-	113,0		2.611,0		113,0	2.611,0	
6	Trường THCS xã Chiềng Đông huyện Tuần Giáo	Xã Chiềng Đông	19.000	2.576,0	-	2.576,0	2.576,0	2.576,0		2.576,0	2.576,0	LG vốn CENSEDP
7	Đường QL6 - bán Cong xã Quai Cang	Xã Quai Cang	3.870	51,5	-	51,5		2.617,0		51,5	2.617,0	
*	UBND xã Nà Tông		1.850	-	-	-			-			
1	Nhà văn hóa xã Nà Tông	Xã Nà Tông	1.850	-	-	-			-			
*	UBND xã Tênh Phóng		2.000	841,4	74,4	767,0	-	1.923,9	74,4	767,0	1.923,9	
1	Nhà văn hóa xã Tênh Phóng	Xã Tênh Phóng	2.000	841,4	74,4	767,0		1.923,9	74,4	767,0	1.923,9	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMBĐT	Nguồn vốn năm 2020			Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công		
*	UBND xã Mường Mùn		4.300	4.169,0	100,0	4.069,0	3.435,3	4.169,6	100,0	4.069,0	4.169,0		
1	Nhà văn hoá xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	2.050	1.990,0	50,0	1.940,0	1.617,3	1.990,6	50,0	1.940,0	1.990,0		
2	Nhà văn hoá: Bán Huồi Lốt; bán Mường 1 + 2 + 3 (2 nhà)	Xã Mường Mùn	2.250	2.179,0	50,0	2.129,0	1.818,0	2.179,0	50,0	2.129,0	2.179,0		
*	UBND xã Quai Nưa		3.000	339,8	-	339,8	250,0	2.450,0	-	339,8	2.030,0		
1	Nhà văn hóa xã Quai Nưa	Xã Quai Nưa	3.000	339,8	-	339,8	250,0	2.450,0		339,8	2.030,0		
*	UBND xã Quai Tờ		3.050	90,1	90,1	-		2.655,0	90,1	-	2.364,0		
1	BT mặt đường, Kè chắn đất đường từ QL279 đi bản Hới (địa phận bản Ban, bản Hới), xã Quai Tờ	Xã Quai Tờ	3.050	90,1	90,1	-		2.364,0	90,1	-	2.364,0		
*	UBND xã Mường Thín		2.550	269,0	-	269,0	108,4	2.238,4	-	269,0	2.199,0		
1	Nhà văn hoá bản Thín B, xã Mường Thín	Xã Mường Thín	1.150	85,0	-	85,0	108,4	1.138,4		85,0	1.115,0		
2	Đường BT nội bản Chưm xã Mường Thín	Xã Mường Thín	1.400	184,0	-	184,0		1.100,0		184,0	1.084,0		
*	UBND xã Quai Cang		5.330	1.986,9	1.500,9	486,0	1.944,5	4.874,5	1.500,9	486,0	4.591,0		
1	Đường giao thông từ bản Sáng đến bản Ten Cá xã Quai Cang	Xã Quai Cang	3.430	393,9	300,9	93,0	250,0	3.030,0	300,9	93,0	2.998,0		
2	Nhà văn hóa xã Quai Cang	Xã Quai Cang	1.900	1.593,0	1.200,0	393,0	1.694,5	1.844,5	1.200,0	393,0	1.593,0		
*	UBND xã Chiềng Đông		4.350	2.438,0	1.100,0	1.338,0	2.167,1	4.017,1	1.100,0	1.338,0	3.981,9		
1	Đường QL 279 - bản Cọng	Xã Chiềng Đông	2.300	388,0	-	388,0	335,2	2.035,2		388,0	2.000,0		
2	Nhà văn hóa xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	2.050	2.050,0	1.100,0	950,0	1.831,9	1.981,9	1.100,0	950,0	1.981,9		
*	UBND xã Mường Khong		2.300	1.109,1	531,1	578,0	1.554,6	2.054,6	531,1	578,0	2.054,6		
1	Nhà văn hóa xã Mường Khong	Xã Mường Khong	2.300	1.109,1	531,1	578,0	1.554,6	2.054,6	531,1	578,0	2.054,6		
*	UBND xã Rạng Đông		1.800	745,0	-	745,0	707,7	1.707,7	-	745,0	1.615,0		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMBĐT	Nguồn vốn năm 2020			Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công		
1	Đường BT nội bán Noong Luông	Xã Rạng Đông	1.800	745,0	-	745,0	707,7	1.707,7		745,0		1.615,0	
b	Công trình khởi công mới 2020		62.849	45.564,0	600,0	44.964,0	45.069,2	46.017,2	600,0	44.964,0		45.764,0	
*	Ban QLDA các công trình		62.849	45.564,0	600,0	44.964,0	45.069,2	46.017,2	600,0	44.964,0		45.764,0	
1	Đường từ bán Nà Sáy 1 đến Pa Cá, xã Nà Sáy	Xã Nà Sáy	5.700	4.950,0	-	4.950,0	5.203,2	5.403,2		4.950,0		5.150,0	
2	Đường TT xã Pù Nhung - bán Phiêng Pi	Xã Pù Nhung	10.500	8.786,0	200,0	8.586,0	8.586,0	8.786,0	200,0	8.586,0		8.786,0	
3	Đường từ Km 5+ 75m (lối rẽ đi Thủy điện Long Tạo) đến bán Hua Mức 1, xã Pù Xi	Xã Pù Xi	14.100	13.970,0	200,0	13.770,0	13.770,0	13.970,0	200,0	13.770,0		13.970,0	
4	Đường từ bán Khùa Trà và bán Phiêng Hoa xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	6.000	198,0	100,0	98,0		198,0	100,0	98,0		198,0	
5	Đường QL6 - bán Kệt xã Quai Cang	Xã Quai Cang	7.449	2.666,0	-	2.666,0	2.666,0	2.666,0		2.666,0		2.666,0	LG vốn CDNSĐP 4020
6	Năng cấp đường từ TT xã Tênh Phông đến ngã ba Há Dưa (giai đoạn 1)	Xã Tênh Phông	9.500	9.319,0	100,0	9.219,0	9.319,0	9.319,0	100,0	9.219,0		9.319,0	
7	Đường QL6 - bán Co Săn, xã Mùn Chung	Xã Mường Mùn	9.600	5.675,0	-	5.675,0	5.525,0	5.675,0		5.675,0		5.675,0	LG 135, dân góp 600tr.d
II	Chương trình MTQG giảm nghèo thực hiện theo Quyết định 275/QĐ-TTg		89.467	38.599,1	12.945,1	25.654,0	45.295,1	70.689,6	12.945,1	25.654,0		70.686,0	
a	Dự án tiếp chi, hoàn thành năm 2020		65.899	25.371,1	12.945,1	12.426,0	32.067,1	57.461,6	12.945,1	12.426,0		57.458,0	
*	Ban QLDA các công trình		58.399	21.074,7	8.648,7	12.426,0	27.767,1	53.161,6	8.648,7	12.426,0		53.161,6	
1	Sửa chữa đường Mường Khong - Hua Sát xã Mường Khong	Xã Mường Khong	14.990	7.352,8	499,8	6.853,0	12.853,0	14.353,0	499,8	6.853,0		14.353,0	
2	Năng cấp đường QL6- bán Lòng (giai đoạn 2)	Xã Tòa Tỉnh	11.500	5.271,5	890,5	4.381,0	9.181,0	10.381,0	890,5	4.381,0		10.381,0	
3	Đường TT xã Tòa Tỉnh - bán Hua Sa A	Xã Tòa Tỉnh	2.800	1.373,3	181,3	1.192,0	1.520,0	2.520,0	181,3	1.192,0		2.520,0	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMDT	Nguồn vốn năm 2020				Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công			
4	Nước sinh hoạt trung tâm xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	3.200	1.764,5	1.764,5	-	805,5	3.040,5	1.764,5			3.040,5		
5	Sửa chữa đường bán Bó - bán Nôm - bán Chân xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	5.129	1.531,9	1.531,9	-	1.197,0	4.957,0	1.531,9			4.957,0		
6	Nước sinh hoạt bán Ten Cá xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo	Xã Quài Cang	2.000	41,3	41,3	-	112,9	1.920,5	41,3			1.920,5		
7	Thủy lợi bán Thín B xã Mường Thín, huyện Tuần Giáo	Xã Mường Thín	2.500	96,7	96,7	-	72,9	2.125,0	96,7			2.125,0		
8	Thủy lợi bán Nậm Chấn xã Chiềng Đông	Xã Nậm Chấn	3.500	1.312,5	1.312,5	-	850,2	3.010,2	1.312,5			3.010,2		
9	Trường THCS Khong Hin xã Mường Khong huyện Tuần Giáo	Xã Mường Khong	4.450	464,3	464,3	-	793,3	3.963,3	464,3			3.963,3		
10	Thủy lợi bán Hóc xã Mường Mùn huyện Tuần Giáo	Xã Mường Mùn	2.000	43,3	43,3	-	95,7	1.897,5	43,3			1.897,5		
11	Thủy lợi Nà Đén (Nà Sáy) xã Nà Sáy huyện Tuần Giáo	Xã Nà Sáy	6.330	1.822,6	1.822,6	-	285,6	4.993,6	1.822,6			4.993,6		
*	UBND xã Nà Tông		4.500	4.296,4	4.296,4	-	4.300,0	4.300,0	4.296,4	-		4.296,4		
1	Trạm y tế xã Nà Tông, xã Nà Tông	xã Nà Tông	4.500	4.296,4	4.296,4	-	4.300,0	4.300,0	4.296,4			4.296,4		
b	Dự án sử dụng vốn 10% dự phòng kế hoạch trung hạn		11.068	10.161,0	-	10.161,0	10.161,0	10.161,0	-		10.161,0	10.161,0		
*	Ban QLDA các công trình		11.068	10.161,0	-	10.161,0	10.161,0	10.161,0	-		10.161,0	10.161,0		
1	Đường từ bản Hua Mức 1 đến trụ sở tạm xã Pú Xi	Xã Pú Xi	11.068	10.161,0	-	10.161,0	10.161,0	10.161,0	-		10.161,0	10.161,0		
c	Dự án bổ sung bằng vốn hết nhu cầu của chương trình 275 Giai đoạn 2018 - 2020		7.500	367,0	-	367,0	367,0	367,0	-		367,0	367,0		
*	Ban QLDA các công trình		7.500	367,0	-	367,0	367,0	367,0	-		367,0	367,0		
1	Nâng cấp đường bán Hồng Lực - TT xã Mường Khong		7.500	367,0	-	367,0	367,0	367,0	-		367,0	367,0		
d	Dự án có cùng mục tiêu nhưng còn thiếu vốn		5.000	2.700,0	-	2.700,0	2.700,0	2.700,0	-		2.700,0	2.700,0		
*	Ban QLDA các công trình		5.000	2.700,0	-	2.700,0	2.700,0	2.700,0	-		2.700,0	2.700,0		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Khối lượng thực hiện		Khối lượng Giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công	
1	Trường Mầm non Mường Mùn	Xã Mường Mùn	5.000	2.700,0	-	2.700,0	2.700,0	2.700,0	2.700,0	2.700,0	2.700,0	LGNSDP
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững CT 135		57.986	25.438,6	4.587,6	20.851,0	25.986,3	42.281,7	4.587,6	20.851,0	40.976,3	
a	Công trình tiếp chi		30.500	2.699,2	2.699,2	-	1.936,9	17.265,3	2.699,2	-	17.265,3	
*	Ban QLDA các công trình		22.500	1.365,1	1.365,1	-	224,0	10.074,7	1.365,1	-	10.074,7	
1	Đường liên bản Pẩu + bản Món + bản Hới Trong tới khu tái định cư xã Quài Tờ	Xã Quài Tờ	3.500	50,0	50,0	-	-	3.350,0	50,0		3.350,0	
2	Điểm trường mầm non Hua Múc 2, xã Pú Xi	Xã Pú Xi	2.800	984,7	984,7	-	35,2	2.549,7	984,7		2.549,7	
3	Đường từ ngã ba (Tỉnh Phông, Huổi Anh) đến bản Huổi Anh xã Tênh Phông	Xã Tênh Phông	4.200	330,5	330,5	-	188,8	4.175,0	330,5		4.175,0	
*	UBND xã Quài Nưa		4.500	670,7	670,7	-	670,7	4.390,7	670,7		4.390,7	
1	Đường giao thông từ QL6 đến bản Long Hống xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	4.500	670,7	670,7	-	670,7	4.390,7	670,7		4.390,7	
*	UBND xã Mường Mùn		2.000	310,5	310,5	-	100,0	1.800,0	310,5		1.800,0	
1	Điểm trường MN bản Hóc, bản Hóm xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	2.000	310,5	310,5	-	100,0	1.800,0	310,5		1.800,0	
*	UBND xã Mường không		1.500	353,0	353,0	-	942,2	1.000,0	353,0		1.000,0	
1	Nhà văn hóa bản Co Đira xã Mường không	Xã Mường không	1.500	353,0	353,0	-	942,2	1.000,0	353,0		1.000,0	
b	Công trình khởi công mới 2020		27.486	22.739,4	1.888,4	20.851,0	24.049,5	25.016,4	1.888,4	20.851,0	23.711,0	
*	Ban QLDA các công trình		25.336	20.989,4	1.338,4	19.651,0	22.049,5	23.016,4	1.338,4	19.651,0	21.961,0	
1	Đường dân sinh ngầm trần liên hợp bản Nong Tông xã Nà Tông	Xã Nà Tông	5.200	4.300,0	-	4.300,0	4.300,0	4.500,0		4.300,0	4.300,0	
2	Nước sinh hoạt trung tâm xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	1.550	1.460,0	50,0	1.410,0	1.410,0	1.460,0	50,0	1.410,0	1.460,0	
3	Thủy lợi bản Cong, bản Sáo Xã Quài Cang	Xã Quài Cang	1.000	525,4	525,4	-	780,0	1.000,0	525,4	-	1.000,0	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Khối lượng thực hiện		Khối lượng Giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kèo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kèo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công	
4	Đường QL6 - bản Co Sán, xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	3.086	3.086,0	-	3.086,0	3.086,0	3.086,0		3.086,0	3.086,0	LG vốn NTM
5	Đường Nậm Cá - bản Hồng Lục, xã Nà Sáy	Xã Nà Sáy	14.500	11.618,1	763,1	12.473,5	12.970,4	763,1	10.855,0	10.855,0	12.115,0	
*	UBND xã Chiềng Sinh		1.100	850,0	50,0	800,0	1.000,0	50,0	800,0	800,0	850,0	
1	Đường nội bản Dìn Dìn GDD2, xã Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh	1.100	850,0	50,0	800,0	1.000,0	50,0	800,0	800,0	850,0	
*	UBND xã Quài Cang		1.050	900,0	500,0	400,0	1.000,0	500,0	400,0	400,0	900,0	
1	Đường bản Hán xã Quài Cang	Xã Quài Cang	1.050	900,0	500,0	400,0	1.000,0	500,0	400,0	400,0	900,0	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMDT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Khối lượng Giải Ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
	TỔNG SỐ		129.060	31.155,0	27.685,0	114.466,6	31.155,0	114.276,4	
A	NGUỒN VỐN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		61.300	19.080,0	17.430,4	55.156,9	19.080,0	55.066,7	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		53.300	12.497,0	11.077,4	48.553,9	12.497,0	48.463,7	
*	Ban QLDA các công trình		53.300	12.497,0	11.077,4	48.553,9	12.497,0	48.463,7	
1	Trụ sở xã Phình Sáng huyện Tuần Giáo	Xã Phình Sáng	7.500	368,0	60,2	7.364,0	368,0	7.364,0	
2	Trụ sở xã Tênh Phong huyện Tuần Giáo	Xã Tênh Phong	7.300	479,0	173,0	6.571,0	479,0	6.571,0	
3	Trường THCS xã Quài Cang huyện Tuần Giáo	Xã Quài Cang	6.500	2.901,0	759,8	5.859,8	2.901,0	5.859,8	
4	Trường Mầm non thị trấn Tuần Giáo	TT T. Giáo	8.000	4.553,0	1.934,0	7.629,2	4.553,0	7.629,2	
5	Trường THCS xã Chiềng Đông huyện Tuần Giáo	Xã Chiềng Đông	19.000	1.235,0	7.359,2	15.703,2	1.235,0	15.613,0	LG NTM
6	Trường MN Mùn Chung xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	5.000	2.961,0	791,1	4.501,4	2.961,0	4.501,4	
b	Khởi công mới 2020		8.000	6.583,0	6.353,0	6.603,0	6.583,0	6.603,0	
*	Ban QLDA các công trình		8.000	6.583,0	6.353,0	6.603,0	6.583,0	6.603,0	
1	Đường QL6 - bản Kệt xã Quài Cang	Xã Quài Cang	8.000	4.000,0	3.870,0	4.020,0	4.000,0	4.020,0	
2	Trường Mầm non Mùong Mùn	xã Mùong Mùn	5.000	2.283,0	2.183,0	2.283,0	2.283,0	2.283,0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMDT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Khối lượng Giải Ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
3	Đường từ bản Hồng lục đến Trung tâm xã Mường Khong	Xã Mường Khong	12.000	200,0	200,0	200,0	200,0	200,0	
4	Đường trung tâm xã Tênh Phong (Km 1+967) - bản Thảm Nặm	Xã Tênh Phong	14.500	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
B	NGUỒN VỐN SỔ SỐ KIẾN THIẾT		55.760	6.660,0	4.839,7	53.894,7	6.660,0	53.794,7	
I	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2019		47.360	780,0	-	45.975,0	780,0	45.975,0	
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo		47.360	780,0	-	45.975,0	780,0	45.975,0	
1	Trường Mầm non, THCS tại xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	Xã Phình Sáng	47.360	780,0		45.975,0	780,0	45.975,0	
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		8.400	5.880,0	4.839,7	7.919,7	5.880,0	7.819,7	
*	Ban QLDA các công trình		7.000	4.580,0	3.439,7	6.519,7	4.580,0	6.519,7	
1	Trường Mầm non An Bình, xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	7.000	4.580,0	3.439,7	6.519,7	4.580,0	6.519,7	
	UBND xã Quài Tở		1.400	1.300,0	1.400,0	1.400,0	1.300,0	1.300,0	
2	Nâng cấp đường nội bản Pom Ban, đường nội bản Ta	Xã Quài Tở	1.400	1.300,0	1.400,0	1.400,0	1.300,0	1.300,0	
C	NGUỒN VỐN 30a		12.000	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		12.000	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	
*	Ban QLDA các công trình		12.000	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	
1	Đường trung tâm xã Rạng Đông - bản Háng Á	Xã Rạng Đông	12.000	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	LG Vốn CT135; NSDP

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Thuận Giác)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Thực hiện khối lượng			Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công		
	TỔNG CỘNG		305.471	139.421,1	11.876,3	127.544,9	178.845,7	215.976,7	11.876,3	127.544,8	178.484,8		
A	Vốn đầu tư từ nguồn đầu giá QSD đất		58.024	24.604,1	1.018,1	23.586,0	35.731,8	46.689,0	1.018,1	23.586,0	35.311,0		
I	Công trình đang thực hiện tiếp chi		31.264	9.685,2	1.018,1	8.667,1	15.158,0	26.115,2	1.018,1	8.667,1	20.389,2		
*	Ban QLDA các công trình huyện		25.060	7.106	1.018,1	6.088,0	14.958	20.561	1.018	6.088	15.478		
1	Đường từ Sân vận động - huyện đội - QL6 và trận địa phòng không	TT Thuận Giác	5.080	906,6	190,2	716,4	906,6	2.906,6	190,2	716,4	2.906,6	LG vốn SNGT	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đầu giá QSD đất khu trung tâm xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	10.700	2.788,0	-	2.788,0	8.461,1	8.680,7	-	2.788,0	3.788,0		
3	Đường + ngầm từ khối Tân Tiến đến bán Chiềng An	TT Thuận Giác	2.680	83,6	-	83,6	190,1	2.573,7	-	83,6	2.383,6		
4	Via hệ khối Tân Thủy	TT Thuận Giác	6.600	3.328,0	828,0	2.500,0	5.400,2	6.400,2	828,0	2.500,0	6.400,2		
*	UBND thị trấn Thuận Giác		5.455	2.264,0	-	2.264,0		4.805,0	-	2.264,0	4.180,6		
1	Đường Vào bán Đông	TT Thuận Giác	1.465	714,0	-	714,0		1.300,0	-	714,0	1.264,0		
2	Đường vào bán Lập	TT Thuận Giác	1.090	270,0	-	270,0		955,0	-	270,0	955,0		
3	Rãnh Thoát nước từ Quốc lộ 279 đến khu ruộng Na Ké ra suối	TT Thuận Giác	1.400	540,0	-	540,0		1.200,0	-	540,0	1.170,0		
4	Đường vào khối 20/7	TT Thuận Giác	1.500	740,0	-	740,0		1.350,0	-	740,0	791,6		
*	UBND xã Quài Nưa		549	133,9	-	133,9		549,0	-	133,9	549,0		
1	San nền nhà văn hóa thể thao xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	549	133,9	-	133,9		549,0	-	133,9	549,0		
*	UBND xã Pú Nhung		200	181,2	-	181,2		200,0	-	181,2	181,2		
1	Cải tạo, sửa chữa đường từ ngã ba Phiêng Pì - Ngã ba rẽ đi Tênh Lát, xã Pú Nhung	Xã Pú Nhung	200	181,2	-	181,2		200,0	-	181,2	181,2		
II	Công trình khởi công mới năm 2020		26.760	14.919	-	14.918,9	20.574	20.574	-	14.919	14.922		

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBT	Nguồn vốn năm 2020			Thực hiện khối lượng		Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
*	Ban QLDA các công trình huyện		15.000	9.000	-	9.000,0	13.514	13.514	-	9.000	9.000	
1	Nâng cấp vỉa hè khối Trường Xuân	TT Tuấn Giáo	10.000	5.000,0	-	5.000,0	8.711,3	8.711,3		5.000,0	5.000,0	
2	Nâng cấp vỉa hè khối Tân Tiến - Thảng Lợi	TT Tuấn Giáo	5.000	4.000,0	-	4.000,0	4.802,5	4.802,5		4.000,0	4.000,0	
*	UBND thị trấn Tuấn Giáo		7.100	1.628	-	1.627,9	2.400	2.400	-	1.628	1.628	-
1	Đường các bản Nong Tầu, Chiềng Khoang	UBND Thị Trấn	3.400	800,0	-	800,0	1.200,0	1.200,0		800,0	800,0	
2	Đường khối Thảng Lợi	UBND Thị Trấn	3.700	827,9	-	827,9	1.200,0	1.200,0		827,9	827,9	
*	UBND xã Quai Tờ		4.570	4.204	-	4.203,9	4.570	4.570	-	4.204	4.204	-
1	Nhà văn hóa bản Cháng	Xã Quai Tờ	1.050	981,9	-	981,9	1.050,0	1.050,0		981,9	981,9	
2	Nhà văn hóa bản Đứa	Xã Quai Tờ	680	625,0	-	625,0	680,0	680,0		625,0	625,0	
3	Nhà văn hóa bản Ngựa	Xã Quai Tờ	930	850,0	-	850,0	930,0	930,0		850,0	850,0	
4	Nhà văn hóa bản Có	Xã Quai Tờ	950	870,0	-	870,0	950,0	950,0		870,0	870,0	
5	Nâng cấp đường nội bản Ến	Xã Quai Tờ	960	877,0	-	877,0	960,0	960,0		877,0	877,0	
*	UBND xã Mùn Chung		90	87	-	87,1	90	90	-	87	90	
	Đường bê tông vào nhà văn hóa bản Bó Lếch, xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	90	87,1	-	87,1	90,0	90,0		87,1	90,0	
B	Vốn sự nghiệp		247.447	114.817,0	10.858,1	103.958,9	143.113,9	169.287,8	10.858,2	103.958,9	143.173,8	
I	Sự nghiệp giao thông		178.370	90.762,7	10.858,1	79.904,6	114.929,0	128.383,5	10.858,2	79.904,6	109.756,4	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Thực hiện khối lượng		Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
I.1	Công trình đang thực hiện tiếp chi		69.520	38.199,3	4.858,1	33.341,1	45.672,8	59.127,3	4.858,2	33.341,1	57.192,9	
*	Ban QLDA các công trình huyện		69.520	38.199,3	4.858,1	33.341,1	45.672,8	59.127,3	4.858,2	33.341,1	57.192,9	
1	Nâng cấp đường vào bản Trung Đình	Xã Pù Nhung	2.700	1.431,5	-	1.431,5	747,3	2.547,3		1.431,5	2.547,3	
2	Nâng cấp đường từ bản Phiêng Pì B - bản Tênh Lá	Xã Pù Nhung	8.000	3.166,4	-	3.166,4	5.856,0	7.856,0		3.166,4	7.450,0	
3	Nâng cấp ngầm tràn bản Món	Xã Quai Tờ	1.750	770,0	-	770,0	770,0	1.570,0		770,0	1.570,0	
4	Nâng cấp cầu vào bản Thẩm Pao (02 cầu)	Xã Quai Tờ	2.800	1.284,0	-	1.284,0	1.401,8	2.451,8		1.284,0	2.328,8	
5	Nâng cấp đường QL6 - bản Huồi Cây	Xã Mùn Chung	7.500	3.800,0	-	3.800,0	4.081,2	7.087,2		3.800,0	6.806,0	
6	Nâng cấp đường bản Kệt (khu dân bản Púng Quái)	Xã Quai Cang	3.200	1.931,0	-	1.931,0	1.909,8	2.109,8		1.931,0	2.100,0	
7	Nâng cấp đường từ bản Hàng Tàu - Quốc lộ 6 cũ	Xã Toả Tinh	5.300	4.712,9	-	4.712,9	4.808,3	5.008,3		4.712,9	4.988,0	
8	Nâng cấp đường bản Món - bản Hời Trong	Xã Quai Tờ	5.500	4.700,0	1.500,0	3.200,0	4.970,0	5.070,0	1.500,0	3.200,0	4.700,0	
9	Nâng cấp đường từ QL 279 - bản Xá Tỳ	Xã Pù Nhung	2.700	2.146,1	-	2.146,1	2.353,9	2.453,9		2.146,1	2.300,0	
10	Sửa chữa tuyến đường từ bản học xã Mường Mùn - trung tâm xã Pù Xi	Xã Pù Xi	2.500	201,2	-	201,2	201,2	201,2		201,2	201,2	
11	Khắc phục hậu quả thiên tai đường từ bản Sáng xã Quai Cang đến bản Ché Á xã Toả Tinh	Xã Quai Cang xã Toả Tinh	5.000	2.695,5	1.100,5	1.595,0	4.609,8	4.809,8	1.100,5	1.595,0	4.403,1	
12	Sửa chữa, nâng cấp đường vào bản Song Ia	Xã Toả Tinh	5.300	4.697,8	697,8	4.000,0	4.850,0	5.000,0	697,8	4.000,0	5.000,0	
13	Sửa chữa, nâng cấp đường từ ngã ba Há Dưa đến bản Há Dưa	Xã Tênh Phóng	5.500	3.694,7	1.194,7	2.500,0	4.900,0	5.000,0	1.194,7	2.500,0	5.000,0	
14	Đường từ sân vận động - huyện đội - QL6 và trận địa phòng không	TT Tuần Giáo	5.080	1.600,0	-	1.600,0	1.600,0	1.600,0		1.600,0	1.600,0	LG vốn đầu giá
15	Khắc phục thiên tai ngầm tràn bản Phung xã Quai Cang	Xã Quai Cang	1.390	2,4	-	2,4		1.322,8		2,4	1.322,8	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Thực hiện khối lượng		Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
16	Đường bản Ta - bản Pẩu xã Quai Tờ	Xã Quai Tờ	2.500	0,5	-	0,5		2.375,7		0,5	2.375,7	
17	Sửa chữa, nâng cấp đường từ bản Phiêng Hin - bản Hua Sát	Xã Mường Kheng	2.800	1.365,0	365,0	1.000,0	2.613,4	2.663,4	365,0	1.000,0	2.500,0	
I.2	Công trình khởi công mới năm 2020		108.850	52.563,5	6.000,0	46.563,5	69.256,2	69.256,2	6.000,0	46.563,5	52.563,5	
*	Ban QLDA các công trình huyện		108.850	52.563,5	6.000,0	46.563,5	69.256,2	69.256,2	6.000,0	46.563,5	52.563,5	
1	Nâng cấp đường vào bản Phình Cừ	Xã Ta Ma	7.500	4.400,0	-	4.400,0	4.400,0	4.400,0		4.400,0	4.400,0	
2	Nâng cấp đường từ bản Hua Sa A - bản Ché Á	Xã Toá Tinh	10.700	5.500,0	4.000,0	1.500,0	5.516,6	5.516,6	4.000,0	1.500,0	5.500,0	
3	Nâng cấp đường từ bản Hiệu - bản Phang	Xã Chiềng Sinh	4.500	3.600,0	-	3.600,0	3.600,0	3.600,0		3.600,0	3.600,0	
4	Nâng cấp đường vào bản Nà Đẳng	Xã Ta Ma	2.650	2.300,0	-	2.300,0	2.501,6	2.501,6		2.300,0	2.300,0	
5	Nâng cấp đường khối 20/7 - bản Đông	TT Tuấn Giáo	5.000	-	-	-	1.000,0	1.000,0				
6	Nâng cấp đường nội thị khối Tân Giang	TT Tuấn Giáo	5.600	-	-	-	1.500,0	1.500,0				
7	Nâng cấp đường khối Huổi Cù	TT Tuấn Giáo	6.000	3.500,0	-	3.500,0	5.878,7	5.878,7		3.500,0	3.500,0	
8	Nâng cấp đường bản Sáo - bản Cong	Xã Quai Cang	1.800	1.000,0	-	1.000,0	1.086,8	1.086,8		1.000,0	1.000,0	
9	Nâng cấp đường vào bản Ké Cài	Xã Ta Ma	3.000	1.200,0	-	1.200,0	2.802,7	2.802,7		1.200,0	1.200,0	
10	Nâng cấp đường vào bản Thăm Nặm (giai đoạn I)	Xã Tênh Phong	5.500	2.000,0	-	2.000,0	3.000,0	3.000,0		2.000,0	2.000,0	
11	Nâng cấp đường vào bản Phình Sáng	Xã Phình Sáng	1.800	1.500,0	-	1.500,0	1.540,3	1.540,3		1.500,0	1.500,0	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Thực hiện khối lượng		Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giai ngân vốn kéo dài	Giai ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
12	Nâng cấp đường vào bản Kéo Lạ	Xã Nà Sáy	2.300	1.168,0	-	1.168,0	1.988,8	1.988,8	1.168,0	1.168,0	1.168,0	
13	Nâng cấp đường vào bản Gia Bọp	Xã Mường Mùn	5.000	4.500,0	-	4.500,0	4.598,8	4.598,8	4.500,0	4.500,0	4.500,0	
14	Nâng cấp đường, ngắm trần bản Nậm Cá	Xã Nà Sáy	4.000	3.500,0	2.000,0	1.500,0	3.500,0	3.500,0	1.500,0	1.500,0	3.500,0	
15	Nâng cấp đường Bản Bon A - Noong bá	Xã Rang Đông	2.500	1.000,0	-	1.000,0	2.155,9	2.155,9	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
16	Nâng cấp đường bản Hua Múc 3 - Trung tâm xã (giai đoạn 1)	Xã Pù Xi	5.000	2.000,0	-	2.000,0	2.522,0	2.522,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
17	Nâng cấp cầu bản Xuân Tươi	Xã Mường Mùn	3.200	1.879,7	-	1.879,7	2.964,0	2.964,0	1.879,7	1.879,7	1.879,7	
18	Nâng cấp đường vào bản Xá Tụ (giai đoạn 1)	Xã Thành Phong	5.500	2.000,0	-	2.000,0	2.500,0	2.500,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
19	Nâng cấp ngắm trần bản Hua Ca	Xã Quai Tở	3.000	1.500,0	-	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	
20	Nâng cấp cầu bản hiệu	Xã Chiềng Sinh	6.000	2.000,0	-	2.000,0	2.108,2	2.108,2	2.000,0	2.000,0	2.000,0	
21	Nâng cấp đường vào bản Co phát (giai đoạn 1)	Xã Nà Tông	5.000	1.800,0	-	1.800,0	3.552,1	3.552,1	1.800,0	1.800,0	1.800,0	
22	Nâng cấp đường vào bản Lạ	Xã Quai tở	2.000	1.500,0	-	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	
23	Nâng cấp đường vào bản Háng Khúa	Xã Phình Sáng	2.200	1.000,0	-	1.000,0	1.335,5	1.335,5	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
24	Nâng cấp đường vào bản Trạm Cú (giai đoạn I)	Xã Ta Ma	5.000	1.500,0	-	1.500,0	3.301,3	3.301,3	1.500,0	1.500,0	1.500,0	
25	Nâng cấp đường vào bản Phiềng Cài	Xã Ta Ma	3.000	1.615,8	-	1.615,8	1.825,5	1.825,5	1.615,8	1.615,8	1.615,8	
26	Sửa chữa đường bao quanh sân vận động huyện Tuần Giáo	Thị trấn	1.100	600,0	-	600,0	1.077,3	1.077,3	600,0	600,0	600,0	
II	Sự nghiệp thủy lợi		23.860	7.781,5	-	7.781,5	8.352,8	15.849,1	7.781,5	7.781,5	14.727,1	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	Nguồn vốn năm 2020			Thực hiện khối lượng		Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giai ngân vốn kéo dài	Giai ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
II.1	Công trình đang thực hiện		14.660	5.105,5	-	5.105,5	5.511,2	13.007,5	-	5.105,5	12.051,1	
*	Ban QLDA các công trình huyện		14.660	5.105,5	-	5.105,5	5.511,2	13.007,5	-	5.105,5	12.051,1	
1	Nâng cấp kênh bán Ta và thủy lợi bán Hua Ca	Xã Quai Tờ	2.500	480,1	-	480,1	481,1	2.331,1		480,1	2.330,1	
2	Nâng cấp thủy lợi bán Bó Léch + kênh bán Phiêng Pôn	Xã Mùn Chung	1.600	770,4	-	770,4	755,0	1.555,0		770,4	1.555,0	
3	Khắc phục hậu quả thiên tai thủy lợi bán Đưa xã Quai Tờ	Xã Quai Tờ	1.500	1.295,8	-	1.295,8	1.321,7	1.401,7		1.295,8	1.395,7	
4	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi bán Lồng	Xã Toát Tinh	2.500	2.037,9	-	2.037,9	2.174,6	2.274,6		2.037,9	2.205,8	
5	Nâng cấp kênh nội đồng bán Che Phai + bán Kép	Xã Chiêng Sinh	2.500	75,9	-	75,9	75,9	2.251,8		75,9	2.175,9	
6	GPMB bổ sung dự án Nần suốt và tái định cư thị trấn Tuấn Giáo	TT Tuấn Giáo	850	0,0	-	0,0		850,0			79,0	
7	Nâng cấp thủy lợi bán Sáo	Quai Cang	1.400	8,9	-	8,9	669,2	669,2		8,9	669,2	LG đất lúa
8	Nếp kênh thủy lợi bán Hiệu và thủy lợi bán Năm Mu	Xã Chiêng Sinh, xã Phình Sáng	1.130	327,3	-	327,3	33,7	1.065,0		327,3	1.031,3	
9	Sửa chữa thủy lợi bán Thín B xã Mưông Thín	Xã Mưông Thín	680	109,1	-	109,1		609,1		109,1	609,1	
II.2	Công trình khởi công mới năm 2020		9.200	2.676,0	-	2.676,0	2.841,5	2.841,5		2.676,0	2.676,0	
*	Ban QLDA các công trình huyện		9.200	2.676,0	-	2.676,0	2.841,5	2.841,5		2.676,0	2.676,0	
1	Hệ thống tưới ẩm (cây ăn quả)	Xã Rạng Đông	6.000	-	-	-						
2	Nâng cấp thủy lợi bán Phung và thủy lợi Ná Ban	Xã Quai Cang	2.500	2.100,0	-	2.100,0	2.218,8	2.218,8		2.100,0	2.100,0	
3	Nâng cấp kênh thủy lợi bán Cón	Xã Quai Cang	700	576,0	-	576,0	622,8	622,8		576,0	576,0	
III	Sự nghiệp kinh tế khác		45.217	16.272,8	-	16.272,8	19.832,1	25.055,2		16.272,8	18.690,3	
III.1	Công trình đang thực hiện		26.860	2.673	-	2.672,6	4.782	8.926		2.673	4.383	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Thực hiện khối lượng		Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
*	Ban QLDA các công trình huyện		26.710	2.523	-	2.522,6	4.632	8.776	-	2.523	4.233	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đấu giá QSD đất khởi Sơn Thủy (khu số 2)	TT Tuấn Giáo	7.500	-	-	-		1.200,0				
2	Khắc phục hậu quả thiên tai công trình khu TĐC thị trấn Tuấn Giáo	TT Tuấn Giáo	1.350	402,5	-	402,5		1.000,0		402,5	737,0	
3	Hạ tầng khu đất xen kẹt khối Tân Giang	TT Tuấn Giáo	5.300	149,6	-	149,6	2.700,0	3.200,0		149,6	149,6	
4	Nhà làm việc UBND xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	1.450	67,7	-	67,7	29,3	1.445,9		67,7	1.416,6	
5	GPMB bổ sung trụ sở trạm xã Pú Xi	Xã Pú Xi	30	2,8	-	2,8	2,8	30,0		2,8	30,0	
6	Khắc phục hậu quả thiên tai các tuyến đường: Tuyến đường Pú Nhung - Ta Ma; Tuyến đường Tênh phòng - ngã ba Há Dừa;	Xã Pú Nhung Xã Ta Ma Xã Tênh Phòng	2.500	600,0	-	600,0	600,0	600,0		600,0	600,0	
7	Khắc phục hậu quả thiên tai các tuyến đường: Tuyến đường Pú Nhung - Rạng Đông - Phình Sáng	Các xã: Pú Nhung, Rạng Đông, Phình Sáng	2.500	600,0	-	600,0	600,0	600,0		600,0	600,0	
8	Đường từ sân vận động - huyện đội - QL6 và trận địa phòng không	TT Tuấn Giáo	5.080	400,0	-	400,0	400,0	400,0		400,0	400,0	
9	Khắc phục hậu quả thiên tai các tuyến đường bản Nôm - bản Chăn - Hua Chăn; Pa Cá - Nậm Cá; Phiêng Hin - Hua Sắt.	Các xã: Chiềng Đông, Nà Sáy, Mường Khong	1.000	300,0	-	300,0	300,0	300,0		300,0	300,0	
	UBND thị trấn Tuấn Giáo		50	50	-	50,0	50	50	-	50	50	
1	Sửa chữa nhà văn hóa khối huổi cù	TT Tuấn Giáo	50	50,0	-	50,0	50,0	50,0		50,0	50,0	
	UBND xã Chiềng Đông		100	100	-	100,0	100	100	-	100	100	
1	Nhà văn hóa xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	100	100,0	-	100,0	100,0	100,0		100,0	100,0	
III.2	Công trình khởi công mới năm 2020		18.357	13.600,2	-	13.600,2	15.050,0	16.129,3	-	13.600,2	14.307,1	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Nguồn vốn năm 2020			Thực hiện khối lượng		Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giai ngân vốn kéo dài	Giai ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
*	Ban QLDA các công trình huyện		18.357	13.600,2	-	13.600,2	15.050,0	16.129,3	-	13.600,2	14.307,1	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đầu giá QSD đất khối Trường Xuân (kho lương thực cũ)	TT Tuần Giáo	1.000	700,0	-	700,0	847,8	847,8		700,0	700,0	
2	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy	TT Tuần Giáo	4.500	4.184,4	-	4.184,4	4.184,4	4.184,4		4.184,4	4.184,4	
3	Phụ trợ Trụ sở xã và Nhà văn hóa xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	700	500,0	-	500,0	500,0	500,0		500,0	500,0	
4	Giải phóng mặt bằng trường tiểu học Pú Xi	Xã Pú Xi	700	650,0	-	650,0	600,0	650,0		650,0	650,0	
5	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Ta Mả	Xã Ta Mả	600	516,1	-	516,1	510,1	600,0		516,1	600,0	
7	Sửa chữa nhà làm việc khối Đoàn thể	TT Tuần Giáo	1.450	1.300,0	-	1.300,0	1.304,9	1.397,9		1.300,0	1.300,0	
8	GPMB bổ sung dự án Trường mầm non Mùn Chung	Xã Mùn Chung	150	150,0	-	150,0	150,0	150,0		150,0	150,0	
9	Trích đo bản đồ địa chính Trung tâm đào tạo & phát triển cộng đồng huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	30	30,0	-	30,0	30,0	30,0		30,0	30,0	
10	Xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã mới xã Nà Tông	Xã Nà Tông	1.500	700,0	-	700,0	744,8	802,4		700,0	700,0	
11	Xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã mới xã Quài Cang	Xã Quài Cang	5.900	4.116,0	-	4.116,0	5.424,4	5.590,0		4.116,0	4.116,0	
12	GPMB khu định cư bãi số 3 xã Pú Xi	Xã Pú Xi	777	153,7	-	153,7	153,7	776,7		153,7	776,7	
13	Sửa chữa sân Huyện ủy, HEND-UBND huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	1.050	600,0	-	600,0	600,0	600,0		600,0	600,0	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN HỖ TRỢ XÃ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1547/QĐ-UBND
NGÀY 29/12/2018 CỦA UBND HUYỆN TUẦN GIÁC
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
				Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
	UBND xã Quài Nưa		2.428	2.428	2.428	2.428	2.428	
1	Đường nội bán Pha Nàng	Xã Quài Nưa	732	732	732	732	732	
2	Đường QL279 – bán Chăn	Xã Quài Nưa	485	485	485	485	485	
3	Đường QL279 – bán Ten	Xã Quài Nưa	522	522	522	522	522	
4	Đường nội bán Cù	Xã Quài Nưa	532	532	532	532	532	
5	Đường nội bán Cọ	Xã Quài Nưa	157	157	157	157	157	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN HỖ TRỢ ĐẤT LỬA NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế Khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
	Tổng cộng		9.150	2.798,1	2.661,6	6.791,6	2.798,0	6.725,0	
I	Công trình tiếp chi		6.550	1.454,0	1.251,0	5.381,0	1.453,9	5.380,9	
*	Ban QLDA các công trình huyện		6.550	1.454,0	1.251,0	5.381,0	1.453,9	5.380,9	
1	Nâng cấp đường QL6 - bán Bông	Xã Quài Tờ	2.150	138,0	129,6	2.029,6	138,0	2.029,6	
2	Nâng cấp thủy lợi bán Phang	Xã Chiềng Đông	1.900	426,8	232,1	1.762,1	426,8	1.762,1	
3	Thủy lợi bán Sào	Xã Quài Tờ	1.400	563,4	563,4	563,4	563,4	563,4	
4	Thủy lợi bán Cuông xã Quài Cang	Xã Quài Cang	1.100	325,7	325,7	1.025,7	325,7	1.025,7	
II	Công trình khởi công mới		2.600	1.344,1	1.410,6	1.410,6	1.344,1	1.344,1	
*	Ban QLDA các công trình huyện		2.600	1.344,1	1.410,6	1.410,6	1.344,1	1.344,1	
1	Đường liên bản Cắm-bản Sáng	Xã Quài Cang	2.600	1.344,1	1.410,6	1.410,6	1.344,1	1.344,1	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TUẦN GIÁO NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
	TỔNG CỘNG		38.700	16.702,9	14.434,0	33.895,9	16.702,9	29.712,4	
I	Công trình tiếp chi		22.500	8.702,9	2.258,0	21.719,9	8.702,9	21.712,4	
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo		22.500	8.702,9	2.258,0	21.719,9	8.702,9	21.712,4	
1	Xây dựng trường PTDTBT THCS Pú Xi	Xã Pú Xi	3.300	1.245,9	82,1	3.208,3	1.245,9	3.208,3	
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Mường Thín, Bình Minh	Xã Mường Thín	2.000	65,9	27,3	1.988,9	65,9	1.988,9	
3	Cải tạo, sửa chữa các trường Tiểu học Tòa Tình, tiểu học Chiềng Sinh	Xã Tòa Tình, xã Chiềng Sinh	1.500	-	18,9	1.473,9		1.473,9	
4	Xây dựng nhà công vụ, nhà nội trú và bổ sung hạng mục phụ trợ trường TH Pú Xi	Xã Pú Xi	4.000	2.304,0		3.850,0	2.304,0	3.850,0	
5	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Thị trấn	TT Tuần Giáo	1.700	644,1		1.651,6	644,1	1.644,1	
6	Cải tạo, sửa chữa điểm trường ĐờRêMon trường MN Thị trấn (TT dạy nghề cũ)	TT Tuần Giáo	2.500	1.387,9		2.365,7	1.387,9	2.365,7	
7	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Nà Sáy; THCS Mường Thín; THCS Tòa Tình	Xã Nà Sáy, Mường Thín, Tòa Tình	1.800	384,0	380,9	1.784,0	384,0	1.784,0	
8	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Chiềng Sinh, Mầm non Bình Minh	Xã Chiềng sinh, Chiềng Đông	1.900	512,0	493,8	1.812,0	512,0	1.812,0	
9	Cải tạo, sửa chữa trường PTDTBT THCS Mường Mùn	Xã Ta Ma, Mường Mùn	1.900	842,0	825,2	1.842,0	842,0	1.842,0	
10	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Hoa Mai, TH Nà Tông, TH số 1 Quai Nưa	Xã Quai Cang, Quai Nưa, Nà Tông	1.900	1.129,8	429,8	1.743,5	1.129,8	1.743,5	
11	Xây dựng phòng học cho học sinh trường tiểu học Phình Sang	Xã Phình Sáng	1.950	187,3		1.872,8	187,3	1.872,8	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
*	Công trình khởi công mới 2020		16.200	8.000,0	12.176,0	12.176,0	8.000,0	8.000,0	
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo		16.200	8.000,0	12.176,0	12.176,0	8.000,0	8.000,0	
1	Cải tạo, sửa chữa Trường MN Ta Ma; PTĐTB THCS Ta Ma	Xã Ta Ma	2.000	1.000,0	1.600,0	1.600,0	1.000,0	1.000,0	
2	Cải tạo, sửa chữa trường TH Phình Sáng; TH Nậm Dìn	Xã Phình Sáng	3.000	1.500,0	1.800,0	1.800,0	1.500,0	1.500,0	
3	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Rạng Đông;	Xã Rạng Đông	2.500	1.000,0	1.978,1	1.978,1	1.000,0	1.000,0	
4	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Hoa Sen; TH số 2 Quài Cang	Xã Quài Tô; Quài Cang	2.000	1.000,0	1.400,0	1.400,0	1.000,0	1.000,0	
5	Cải tạo, sửa chữa trường TH Mường Mùn	Xã Mường Mùn	1.500	900,0	1.462,9	1.462,9	900,0	900,0	
6	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Vừ A Dính	Xã Pú Nhung	1.200	600,0	1.144,5	1.144,5	600,0	600,0	
7	Cải tạo mặt bằng và phụ trợ trường tiểu học Pú Xi	Xã Pú Xi	2.500	1.200,0	1.334,8	1.334,8	1.200,0	1.200,0	
8	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Nậm Dìn	Xã Phình Sáng	1.500	800,0	1.455,7	1.455,7	800,0	800,0	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP
CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÁM NGHÈO BỀN VỮNG THEO QUYẾT ĐỊNH 293/QĐ-TTg NĂM 2020
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Số TT	Tên công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
	TỔNG CỘNG		3.700	1.600,0	1.690,8	3.036,5	1.600,0	2.685,8	
I	Công trình tiếp chi		2.500	900,0	990,8	2.336,5	900,0	1.985,8	
*	Ban QLDA các công trình huyện		2.500	900,0	990,8	2.336,5	900,0	1.985,8	
1	Sửa chữa tuyến đường từ bản Hóc xã Mường Mùn - trung tâm xã Pú Xi huyện Tuần Giáo	Xã Mường Mùn; xã Pú Xi	2.500	900,0	990,8	2.336,5	900,0	1.985,8	
II	Công trình khởi công mới		1.200	700,0	700,0	700,0	700,0	700,0	
*	Ban QLDA các công trình huyện		1.200	700,0	700,0	700,0	700,0	700,0	
1	Sửa chữa đường Nậm Dìn - Pháng Cù	Xã Phình Sáng	1.200	700,0	700,0	700,0	700,0	700,0	

Số: 289/TT-UBND

Tuần Giáo, ngày 12 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công và
Nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021

Kính gửi: HĐND huyện Tuần Giáo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2021.

UBND huyện Tuần Giáo trình HĐND huyện Tuần Giáo phê duyệt Kế hoạch đầu tư công và nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021, huyện Tuần Giáo là 111.651,0 triệu đồng (Một trăm mười một tỷ sáu trăm năm mươi một triệu đồng chẵn).

1. Vốn Cân đối ngân sách địa phương.

1.1. Vốn đầu tư (ngân sách cấp huyện quản lý): 22.234,0 triệu đồng;

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

1.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 13.005,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

2. Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư:

2.1. Sự nghiệp giao thông 44.410,0 triệu đồng;

2.2. Sự nghiệp thủy lợi 6.600,0 triệu đồng;

2.3. Sự nghiệp kinh tế khác 7.450,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)

2.4. Hỗ trợ đất trồng lúa 2.612,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 04 kèm theo)

2.5. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo 15.340,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 05 kèm theo)

UBND huyện Tuần Giáo trình HĐND huyện Tuần Giáo phê duyệt Kế hoạch đầu tư công và nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Đức

Biểu số 04

PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN VỐN HỖ TRỢ ĐẤT LỬA NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 289/Tr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Thuận Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư
	TỔNG CỘNG		5.150	2.612	
	Công trình KCM		5.150	2.612	
	Ban QLDA các công trình		5.150	2.612	
1	Kè chống sạt lở suối Nậm Hôn (đoạn bản Giảng xã Quài Cang)	Xã Quài Cang	1.250	612	Ban QLDA các công trình
2	Nâng cấp kênh nội đồng bản Che Phai + bản Kếp (giai đoạn 2)	xã Chiềng sinh	3.900	2.000	Ban QLDA các công trình

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2021

(SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Tờ trình số 289/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuấn Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020	Lũy kế giải ngân công đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn 2021	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		37.950,0	12.176,0	8.000,0	15.340,0	
I	Công trình tiếp chi		14.700,0	12.176,0	8.000,0	5.968,3	
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo		14.700,0	12.176,0	8.000,0	5.968,3	
1	Cải tạo, sửa chữa Trường MN Ta Ma, PTDTBT THCS Ta Ma	Xã Ta Ma	2.000,0	1.600,0	1.000,0	996,8	
2	Cải tạo, sửa chữa trường TH Phình Sáng; TH Năm Dìn	Xã Phình Sáng	3.000,0	1.800,0	1.500,0	1.097,3	
3	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Rạng Đông;	Xã Rạng Đông	2.000,0	1.978,1	1.000,0	978,1	
4	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Hoa Sen; TH số 2 Quài Cang	Xã Quài Tờ; Quài Cang	2.000,0	1.400,0	1.000,0	998,2	
5	Cải tạo, sửa chữa trường TH Mường Mùn	Xã Mường Mùn	1.500,0	1.462,9	900,0	562,9	
6	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Vư A Dính	Xã Pú Nhung	1.200,0	1.144,5	600,0	544,5	
7	Cải tạo mặt bằng và phụ trợ trường tiểu học Pú Xi	Xã Pú Xi	1.500,0	1.334,8	1.200,0	134,8	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDĐT	Khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020	Lũy kế giải ngân công đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn 2021	Ghi chú
8	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Nậm Din	Xã Phình Sáng	1.500,0	1.455,7	800,0	655,7	
II	Công trình khởi công mới 2021		23.250,0			9.371,7	
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo		23.250,0			9.371,7	
1	Cải tạo, sửa chữa các trường MN, TH xã Quài Tở	Xã Quài Tở	2.400,0			1.000,0	
2	Cải tạo, sửa chữa trường TH&THCS xã Tòa Tình	Xã Tòa Tình	2.300,0			971,7	
3	Cải tạo, sửa chữa các trường TH Mường Thín, TH Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh, Mường Thín	2.650,0			1.100,0	
4	Cải tạo, sửa chữa các trường MN, TH xã Quài Cang	Xã Quài Cang	2.700,0			1.100,0	
5	Cải tạo, sửa chữa các trường MN xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	2.200,0			800,0	
6	Cải tạo, sửa chữa trường TH Pú Nhung	Xã Pú Nhung	2.100,0			800,0	
7	Cải tạo, sửa chữa các trường MN, TH xã Nà Tông	Xã nà Tông	2.000,0			800,0	
8	Cải tạo, sửa chữa trường TH Rạng Đông	Xã Rạng Đông	2.000,0			800,0	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	Khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020	Lũy kế giải ngân công đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn 2021	Ghi chú
9	Cải tạo, sửa chữa trường TH Ta Ma	Xã Ta Ma	2.300,0			900,0	
10	Cải tạo, sửa chữa trường TH Mùn Chung	Xã Mùn Chung	2.600,0			1.100,0	

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN NĂM 2021 - HUYỆN TUẦN GIẢO
(Kèm theo Tờ trình số 289/TT-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giảo)

STT	Nguồn vốn	Số công trình			Số tiền (Triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Tiếp chi	KCM		Tiếp chi	KCM	
	TỔNG CỘNG	65	37	28	111.651,0	52.888,3	58.762,7	
1	Vốn Cân đối NSDP (huyện quản lý)	5		5	22.234,0		22.234,0	
2	Vốn đầu tư từ đầu giá QSD đất	6	5	1	13.005,0	10.960,0	2.045,0	
3	Vốn ngân sách huyện (sự nghiệp có tính chất đầu tư)	54	32	22	76.412,0	41.928,3	34.483,7	
-	Sự nghiệp giao thông	26	20	6	44.410,0	26.410,0	18.000,0	
-	Sự nghiệp thủy lợi	3	1	2	6.600,0	3.600,0	3.000,0	
-	Sự nghiệp kinh tế khác	5	3	2	7.450,0	5.950,0	1.500,0	
-	Hỗ trợ đất trồng lúa	2		2	2.612,0		2.612,0	
-	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	18	8	10	15.340,0	5.968,3	9.371,7	

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ ĐẦU TƯ CÔNG VỐN CÂN ĐỐI NSDP NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 289/TT-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2021		Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
1	2	3	19	20	23	24	27
A	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		95.500,0	95.500,0	22.234,0	22.234,0	
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN HUỖN QUẢN LÝ)		95.500,0	95.500,0	22.234,0	22.234,0	
1	Hạ tầng Nhà máy xử lý rác thải huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	4.500,0	4.500,0	2.500,0	2.500,0	KCM
2	Đường từ Ngầm Chiềng An đến Khối Đoàn Kết	TT Tuần Giáo	35.000,0	35.000,0	9.000,0	9.000,0	KCM
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	TT Tuần Giáo	18.000,0	18.000,0	6.534,0	6.534,0	KCM
4	Công viên cây xanh trung tâm huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	30.000,0	30.000,0	4.000,0	4.000,0	KCM
5	Trụ sở làm việc Phòng Tài chính - Kế hoạch + Phòng Nội vụ + Phòng Văn hóa	TT Tuần Giáo	8.000,0	8.000,0	200,0	200,0	CBĐT

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỰ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 289/TT-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Thuận Giao)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDĐT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		30.370	7.917	13.005	
I	Công trình tiếp chi		25.370	7.917	10.960	
*	Ban QLDA các công trình huyện		25.370	7.917	10.960	
1	Đường từ Sân vận động - huyện đội - QL6 và trận địa phòng không	TT Thuận Giao	5.080	2.907	440	Lồng ghép vốn SN giao thông 1.600
2	Xây dựng CSHT khu đất đất giá QSD đất khu đất đường lão khối Tân Tiến	TT Thuận Giao	190	10	155	
3	Nâng cấp vỉa hè khối Trường Xuân	TT Thuận Giao	9.500	5.000	4.000	
4	Nâng cấp đường nội thị khối Tân Giang	TT Thuận Giao	5.600	-	3.050	Lồng ghép vốn SNGT
5	Nâng cấp đường khối 20/7 - bản Đông	TT Thuận Giao	5.000	-	3.315	Lồng ghép vốn SNGT
II	Công trình KCM		5.000	-	2.045	
*	Ban QLDA các công trình huyện		5.000	-	2.045	
1	Đèn chiếu sáng, đèn trang trí khu trung tâm thị trấn Thuận Giao (QL6, QL279 + đường tránh QL279)	Thị trấn Thuận Giao	5.000		2.045	Trong đó thu cấp quyền sử dụng đất 45 triệu đồng

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021
(SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Tờ trình số 289/TT-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		159.300	57.589	58.460	
A	Sự nghiệp giao thông		130.050	52.587	44.410	
I	Công trình tiếp chi		91.950	52.587	26.410	
*	Ban QLDA các công trình huyện		91.950	52.587	26.410	
1	Nâng cấp đường từ bản Phiêng Pi B - bản Tênh Lá	Xã Pú Nhung	8.000	7.450	250	
2	Nâng cấp đường bản Môn - bản Hới Trong	Xã Quài Tở	5.500	4.700	650	
3	Khắc phục hậu quả thiên tai đường từ bản Sáng xã Quài Cang đến bản Chế Á xã Toả Tỉnh	Xã Quài Cang xã Toả Tỉnh	5.000	4.473	350	
4	Nâng cấp đường vào bản Phình Cứ	Xã Ta Ma	6.500	4.400	1.550	
5	Nâng cấp đường từ bản Hua Sa A - bản Chế Á	Xã Toả Tỉnh	10.700	5.500	3.500	
6	Nâng cấp đường vào bản Nà Dắng	Xã Ta Ma	2.650	2.300	200	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
7	Nâng cấp đường vào bản Kê Cải	Xã Ta Ma	3.000	1.200	1.500	
8	Nâng cấp đường vào bản Thẩm Nặm (giai đoạn 1)	Xã Tênh Phong	5.500	2.000	1.960	Vốn bảo trì đường bộ 460 triệu đồng
9	Nâng cấp đường vào bản Phình Sáng	Xã Phình Sáng	1.800	1.500	200	
10	Nâng cấp đường vào bản Kéo Lạ	Xã Nà Sáy	2.300	1.168	850	
11	Nâng cấp đường, ngầm trần bản Nặm Cá	Xã Nà Sáy	4.000	3.500	250	
12	Nâng cấp đường Bản Bon A - Noong bả	Xã Rang Đông	2.500	1.000	800	
13	Nâng cấp đường bản Hua Mức 3 - Trung tâm xã (giai đoạn 1)	Xã Pú Xi	5.000	2.000	2.600	
14	Nâng cấp cầu bản Xuân Tươi	Xã Mường Mùn	3.200	1.880	800	
15	Nâng cấp đường vào bản Xá Tỳ (giai đoạn 1)	Xã Tênh Phong	5.500	2.000	3.000	
16	Nâng cấp cầu bản Hiệu	Xã Chiêng Sinh	6.000	2.000	3.300	
17	Nâng cấp đường vào bản Co phát (giai đoạn 1)	Xã Nà Tông	5.000	1.800	1.000	
18	Nâng cấp đường vào bản Trạm Cú (giai đoạn I)	Xã Ta Ma	5.000	1.500	1.850	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
19	Nâng cấp đường vào bản Phiêng Cài	Xã Phiêng Sáng	2.300	1.616	400	
20	Khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường Pú Nhung - Rạng Đông - Phình Sáng	Xã Pú Nhung, Rạng Đông, Phình Sáng	2.500	600	1.400	Khắc phục hậu quả thiên tai 2020
II	Công trình KCM		38.100	-	18.000	
*	Ban QLDA các công trình		38.100	-	18.000	
1	Nâng cấp đường QL279 - bản Pom Sinh	Xã Chiềng sinh	5.500		3.000	
2	Nâng cấp đường vào bản Co phát (Giai đoạn 2)	Xã Nà Tông	5.300		5.000	
3	Nâng cấp đường vào bản Gia Bọp (Giai đoạn 2)	Xã Mường Mùn	4.000		3.000	
4	Nâng cấp đường bản Hua Mức 3 - Trung tâm xã Pú Xi (giai đoạn 2)	Xã Pú Xi	8.300		3.000	
5	Nâng cấp đường vào bản Hua Ca - Thảm Pao xã Quài Tở (giai đoạn 1)	Xã Quài Tở	10.000		2.000	
6	Nâng cấp đường bản Phung + bản Phú + bản Sái Ngoài	Xã Quài Cang	5.000		2.000	
B	Sự nghiệp thủy lợi		12.000	-	6.600	-
I	Công trình tiếp chi		6.000	-	3.600	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
*	Ban QLDA các công trình huyện		6.000	-	3.600	
I	Hệ thống tưới ẩm (cây ăn quả)	Xã Rang Đông	6.000	-	3.600	
II	Công trình KCM		6.000	-	3.000	
*	Ban QLDA các công trình		6.000	-	3.000	
I	Kênh tiêu úng, kênh nội đồng, Chông xói kênh khu vực Bản Chàng, bản Bông, bản Dứa, Xuân Ban	Xã Quài Tờ	3.000		1.500	
2	Nâng cấp sửa chữa NSH bản Nậm Cá	Xã Nà Sáy	3.000		1.500	
C	Sự nghiệp kinh tế khác		17.250	5.003	7.450	
I	Công trình tiếp chi		12.550	5.003	5.950	
*	Ban QLDA các công trình huyện		12.550	5.003	5.950	
I	Khắc phục hậu quả thiên tai công trình khu TĐC thị trấn Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	1.350	737	400	
2	Hạ tầng khu đất xen kẹt khối Tân Giang	Thị trấn Tuần Giáo	5.300	150	4.500	
3	Xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã mới xã Quài Cang	Xã Quài Cang	5.900	4.116	1.050	
II	Công trình KCM		4.700	-	1.500	
*	Ban QLDA các công trình		4.700	-	1.500	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở HĐND-UBND huyện	TT Tuần Giáo	1.200		500	
2	Sửa chữa trụ sở xã Mùn Chung + xã Mường Mùn	Xã Mùn Chung + xã Mường Mùn	3.500		1.000	

Số: 112./2020/BC-TA

Tuần Giáo, ngày 26 tháng 11 năm 2020.

BÁO CÁO

Tổng kết công tác Hội thẩm Tòa án nhân dân năm 2020 Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

I. Đặc điểm tình hình chung:

1. Thuận lợi:

Công tác Hội thẩm nhân dân tại Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo luôn được Huyện Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Tuần Giáo quan tâm xuyên suốt. Với đội ngũ Hội thẩm nhân dân đó, cộng thêm sự quan tâm về quản lý, chỉ đạo, hỗ trợ điều kiện vật chất của chính quyền địa phương; sự theo dõi, chỉ đạo, tổ chức tập huấn nghiệp vụ Hội thẩm nhân dân của Ban lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tác động trực tiếp, đáng kể vào tiến độ và chất lượng xét xử các loại án. Lãnh đạo và cán bộ, công chức đơn vị Tòa án đã nhìn thấy được điều này trong chất lượng, tiến độ tham gia xét xử án của các Hội thẩm nhân dân; do vậy, ngay từ đầu năm 2020, đơn vị đã có kế hoạch phát huy tốt điểm mạnh này. Một mặt Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo chuẩn bị các điều kiện tốt nhất về tài liệu, cơ sở vật chất, phòng làm việc cho các vị Hội thẩm tham gia nghiên cứu, xét xử; Thẩm phán giải quyết vụ án luôn lắng nghe các quan điểm, ý kiến trao đổi từ các vị Hội thẩm; thông qua các phiên tòa rút kinh nghiệm các vị Hội thẩm nhân dân cũng đã thể hiện rõ vai trò của Hội thẩm nhân dân trong thành phần HĐXX.

2. Khó khăn: Trong năm 2020 công tác Hội thẩm nhân dân huyện Tuần Giáo có một số đồng chí Hội thẩm nhân dân chuyển công tác, nghỉ hưu chuyển đến sinh sống địa phương khác. Do đó công tác Hội thẩm trong năm 2020 không đạt tỉ lệ 100% các vị Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử.

II. Tổ chức và hoạt động của Hội thẩm nhân dân:

1. Cơ cấu tổ chức đoàn Hội thẩm nhân dân:

Đoàn Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo có 20 vị Hội thẩm nhân dân, trong đó:

- Cơ cấu độ tuổi:
- Nam: 11 đ/c; nữ: 9 đ/c.
- Hội thẩm là giáo viên: 02 đ/c (Hiện đang công tác tại Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Tuần Giáo).
- Đoàn thanh niên: 01 đ/c (Bí thư Huyện đoàn).
- Đương chức: 18 đ/c.
- Hưu trí: 04 đ/c.

- Chuyển công tác lên tỉnh: 01 đ/c.

2. Hoạt động của HTND và mối quan hệ giữa HTND với Thường trực HĐND và TAND cùng cấp:

Tổ chức để các Hội thẩm trao đổi kinh nghiệm xét xử, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người Hội thẩm nhân dân.

Trong công tác xét xử, Tòa án có kế hoạch cụ thể, có giấy mời gửi đến cơ quan nơi Hội thẩm nhân dân công tác biết và đến nghiên cứu hồ sơ; các Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã chủ động trao đổi trực tiếp với các Hội thẩm nhân dân về lịch xét xử các vụ án, do vậy đã hạn chế được tối đa việc phải thay đổi HTND vì lý do công tác hoặc vì lý do thuộc trường hợp HTND phải từ chối tiến hành tố tụng theo quy định tại (Điều 35 Pháp lệnh Thẩm phán và HTND). Khi được mời tham gia xét xử, thủ trưởng cơ quan nơi HTND công tác đều tạo điều kiện để các HTND tham gia xét xử theo quy định.

Khi tham gia xét xử các vị Hội thẩm đã thực hiện tốt các nguyên tắc tố tụng, các quy chế, quy định của Tòa án, thể hiện được tính độc lập trong quá trình tham gia xét xử, có quan điểm rõ ràng, đúng pháp luật khi thảo luận xử lý các tình huống phát sinh tại tòa, đưa ra quan điểm quyết định hướng giải quyết vụ án, thể hiện được vai trò trách nhiệm khi tham gia xét xử góp phần nâng cao chất lượng xét xử các loại án. Bằng các hoạt động của mình, các vị hội thẩm đã đóng góp tích cực vào việc giáo dục công dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng các quy tắc trong cuộc sống xã hội, giáo dục ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật cho công dân.

Các chế độ đối với Hội thẩm nhân dân khi tham gia xét xử được Tòa án thanh toán đúng, đầy đủ, kịp thời theo quy định.

III. Kết quả tham gia công tác xét xử năm 2020:

Trong năm 2020 công tác xét xử đã có sự tham gia của các Hội thẩm nhân dân cụ thể như sau:

Lượt mời: 208 lượt; trong đó: Hình sự: 150 lượt; dân sự tranh chấp: 02 lượt; Hôn nhân gia đình: 56 lượt.

(Số liệu tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/9/2020).

1. Kết quả giải quyết, xét xử án hình sự.

Cũ chuyển sang: 10 vụ = 25 bị cáo; thụ lý mới: 97 vụ = 132 bị cáo; tổng số là: 107 vụ = 157 bị cáo. Đã giải quyết xong: 107 vụ = 157 bị cáo (trong đó: Xét xử 105 vụ = 155 bị cáo, trả hồ sơ điều tra bổ sung 01 vụ = 01 bị cáo; đình chỉ 01 vụ = 01 bị cáo). Tỷ lệ giải quyết đạt 100%.

- Án có kháng cáo chuyển sang cũ: 02 vụ = 11 bị cáo, án kháng cáo mới 02 vụ = 06 bị cáo. Kết quả xét xử phúc thẩm: Sửa tăng hình phạt 01 vụ, hủy 01 vụ, đình chỉ xét xử phúc thẩm 01 vụ (bị cáo rút đơn kháng cáo), 01 vụ chưa có kết quả.

- Án có kháng nghị cũ: 02 vụ; kết quả: sửa 02 vụ.

Trong năm, đơn vị đã tổ chức xét xử lưu động 03 vụ án hình sự, 13 vụ án dân sự và 12 phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm. HTND tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm được đánh giá cao.

Qua thực tiễn tham gia Hội đồng xét xử, các HTND đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc xét hỏi, thảo luận khi nghị án, đề cùng với chủ tọa phiên tòa ra phán quyết tội phạm một cách khách quan, thấu tình, đạt lý, đúng pháp luật.

2. Án dân sự tranh chấp: Xét xử: 01 vụ; Kháng cáo, kháng nghị: Không.

3. Án Hôn nhân gia đình: xét xử 30 vụ; Án kháng cáo, kháng nghị: Không.

IV. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân tồn tại, hạn chế trong hoạt động của đoàn:

4.1. Tồn tại, hạn chế:

Việc tham gia tập huấn nghiệp vụ xét xử; còn một số vị chưa tham gia đầy đủ, với lý do bận công tác hoặc lý do khác không tham gia (19/20) đạt 95%.

Năng lực chuyên môn, áp dụng pháp luật của một số vị Hội thẩm còn chưa đồng đều, chưa nghiên cứu hồ sơ, thiếu phân tích, thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, chưa khách quan, toàn diện; giải quyết vụ án chưa triệt để, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích, quyền khởi kiện của các đương sự.

Nhiều đồng chí Hội thẩm là cán bộ lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn do bận công việc hoặc do đặc thù của ngành nghề; một số vị Hội thẩm nghỉ hưu, chuyển đi nơi khác sinh sống nên thời gian dành cho công tác xét xử ít, thậm chí không tham gia (*trong năm có 01 HTND không tham gia xét xử vụ án nào*) đã ảnh hưởng đến hoạt động của đoàn Hội thẩm.

Một số ít Hội thẩm chưa phát huy hết khả năng, trách nhiệm của mình trong công tác xét xử hoặc kiến thức pháp luật còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công cuộc cải cách tư pháp.

4.2. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế:

Số lượng các vụ án thụ lý, giải quyết tăng so với những năm trước; tính chất các án ngày càng phức tạp hơn.

Trình độ của đội ngũ Hội thẩm không đồng đều; một số vị HTND chưa chú trọng việc nghiên cứu hồ sơ; đánh giá chứng cứ để nâng cao chất lượng giải quyết vụ án.

4.3. Kiến nghị đề xuất:

Đề xuất có nhiều buổi tập huấn để Hội thẩm nhân dân được nâng cao kỹ năng, kiến thức phục vụ cho công tác xét xử.

Đề nội dung tập huấn sát với nhiệm vụ xét xử thực tế của HTND. Đề nghị giảng viên là Chánh án TAND tỉnh Điện Biên tiếp tục tập huấn công tác xét xử.

4.4. Công tác thi đua khen thưởng đối với Hội thẩm nhân dân:

Trong năm qua căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân, đoàn trưởng, phó đoàn Hội thẩm nhân dân đã cùng với tập thể lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo thảo luận, tham gia ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng, Hội thẩm Thảo luận, tham gia ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng Hội thẩm. Năm 2020 Đoàn Hội thẩm được TAND tỉnh Điện Biên tặng giấy khen thưởng 03 đ/c; được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen 07 đ/c đã có thành tích trong công tác xét xử năm 2020; đoàn Hội thẩm nhân dân được UBND huyện tặng giấy khen và đề nghị Tòa án nhân dân tối cao tặng bằng khen cho 01 đ/c. Không có trường hợp nào bị kỷ luật.

V. Phương hướng nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2021:

1. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021:

Đề Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm qua, đồng thời khắc phục những hạn chế trong công tác xét xử; để thực hiện tốt chủ trương cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và của Tòa án nhân dân tối cao liên quan đến tổ chức hoạt động của Tòa án nhân dân, hoạt động của Hội thẩm nhân dân. Phối hợp với Tòa án huyện tổ chức, triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021 của Tòa án nhân dân và Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện.

Phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực cùng với Tòa án làm tốt công tác xét xử các loại án; tích cực tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và giáo dục ý thức đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật cho người dân; tích cực nâng cao trình độ về chính trị, về chuyên môn nghiệp vụ, về kiến thức pháp luật, kỹ năng xét xử để theo kịp và đáp ứng nhiệm vụ cải cách tư pháp trong giao đoạn mới.

Nâng cao chất lượng giải quyết các loại án, các vụ án, đảm bảo phán quyết của Tòa án phải đúng pháp luật, phát huy tranh tụng dân chủ công khai tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp; tập trung làm tốt công tác hòa giải, công tác đối thoại trong giải quyết các vụ án dân sự, hành chính, không oan sai và không bỏ lọt tội phạm; góp phần xây dựng, củng cố lòng tin của nhân dân đối với hoạt động của hệ thống Tòa án; giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Thực hiện tốt công tác báo cáo, thống kê theo yêu cầu; giữ mối quan hệ mật thiết giữa Đoàn HTND huyện với Tòa án và các cơ quan liên quan.

2. Giải pháp thực hiện

Chú trọng công tác nghiên cứu hồ sơ, chứng cứ vụ án đặc biệt là các vụ án có tính chất nghiêm trọng gây nguy hiểm cho xã hội.

Tích cực tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, hội thảo; phân đầu 100% HTND tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ do ngành Tòa án tổ chức. Tăng cường công tác tự nghiên cứu, học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ HTND.

Phân đầu 100% HTND được Tòa án bố trí tham gia xét xử, hạn chế mức thấp nhất án bị cải sửa, không có án bị hủy do lỗi chủ quan, vi phạm tố tụng của Hội đồng xét xử. Khi tham gia xét xử phải đảm bảo trang phục, phù hiệu ngành chỉnh tề và đúng quy định.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác Hội thẩm nhân dân năm 2020; phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2021. Kính mong sự quan tâm tạo điều kiện của Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện Tuần Giáo để công tác HTND huyện Tuần Giáo đạt được kết quả tốt hơn trong những năm tiếp theo./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- HĐND huyện Tuần Giáo (B/c);
- Đoàn HTND (để biết).
- Lưu TA.



CHÁNH ÁN

Nguyễn Việt Hương

Số: *A96* /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 10 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 Dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2021

Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 và các Quyết định bổ sung khác của UBND tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND huyện Tuần Giáo khóa XX, kỳ họp thứ 10 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; và các quyết định bổ sung ngân sách của UBND huyện.

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; Dự toán NSDP năm 2021 với những nội dung cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NSDP NĂM 2020

A. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: (Chi tiết biểu 01 kèm theo)

Dự toán thu ngân sách địa phương 841 tỷ 276 triệu đồng, ước thực hiện cả năm đạt 1.024 tỷ 843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 21,8% so với thực hiện năm 2019.

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Dự toán giao 56 tỷ 600 triệu đồng, ước thực hiện 57 tỷ 950 triệu đồng, đạt 102,4% dự toán, tăng 35,9% so với thực hiện năm 2019. Trong đó thu ngân sách huyện hưởng, ước thực hiện 55 tỷ 594 triệu đồng, đạt 103,8% dự toán, tăng 46,8% so với thực hiện năm 2019.

Chi tiết ước thực hiện các khoản thu như sau:

1. *Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh*: Dự toán giao 23 tỷ 500 triệu đồng, ước thực hiện 23 tỷ 500 triệu đồng, đạt 100,0% dự toán, tăng 7,6% so với thực hiện năm 2019.

2. *Lệ phí trước bạ*: Dự toán giao 4 tỷ 600 triệu đồng, ước thực hiện 5 tỷ 500 triệu đồng, đạt 119,6% dự toán, giảm 9,2% so với thực hiện năm 2019.

3. *Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*: Dự toán giao 70 triệu đồng, ước thực hiện 90 triệu đồng, đạt 128,6% dự toán, giảm 3,4% so với thực hiện năm 2019.

4. *Thuế thu nhập cá nhân*: Dự toán giao 1 tỷ 800 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 800 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 1,8% so với thực hiện năm 2019.

5. *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản*: Dự toán giao 100 triệu đồng, ước thực hiện 130 triệu đồng, đạt 130% dự toán, giảm 74,2% so với thực hiện năm 2019.

6. *Phí và lệ phí*: Dự toán giao 1 tỷ 200 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 200 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 36,3% so với thực hiện năm 2019.

7. *Thu tiền sử dụng đất*: Dự toán giao 23 tỷ 600 triệu đồng, ước thực hiện 24 tỷ đồng, đạt 101,7% dự toán, tăng 169,7% so với thực hiện năm 2019.

8. *Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước*: Dự toán giao 30 triệu đồng, ước thực hiện 30 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

9. *Thu khác ngân sách*: Dự toán giao 1 tỷ 600 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 600 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 13,9% so với thực hiện năm 2019.

10. *Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản*: Dự toán giao 100 triệu đồng, ước thực hiện 100 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 35,8% so với thực hiện năm 2019.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

Dự toán giao 787 tỷ 726 triệu đồng, ước thực hiện 853 tỷ 504 triệu đồng, đạt 108,4% dự toán, tăng 13,9% so với thực hiện năm 2019. Bao gồm:

1. Thu bổ sung cân đối:

Dự toán giao 638 tỷ 969 triệu đồng, ước thực hiện 638 tỷ 969 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 11,4% so với thực hiện năm 2019.

2. Thu bổ sung có mục tiêu:

Dự toán giao 148 tỷ 757 triệu đồng, ước thực hiện 214 tỷ 535 triệu đồng, đạt 144,2% dự toán, tăng 21,9% so với thực hiện năm 2019.

III. Thu chuyển nguồn:

Năm 2020 thu chuyển nguồn là 113 tỷ 19 triệu đồng, tăng 111,6% so với năm 2019.

IV. Thu kết dư ngân sách:

Năm 2020 thu kết dư là 164 triệu đồng, giảm 60,3% so với năm 2019.

V. Thu kết dư ngân sách:

Năm 2020 thu kết dư là 164 triệu đồng, giảm 60,3% so với năm 2019.

B. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: (Chi tiết biểu 02 kèm theo)

Dự toán chi ngân sách địa phương 841 tỷ 276 triệu đồng, ước thực hiện 1.024 tỷ 843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 21,8% so với thực hiện năm 2019. Chi tiết ước thực hiện các khoản chi như sau:

I. Chi cân đối ngân sách:

Dự toán giao 692 tỷ 519 triệu đồng, ước thực hiện 823 tỷ 837 triệu đồng, đạt 119% dự toán, tăng 29,5% so với thực hiện năm 2019. Bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển:

Dự toán giao 19 tỷ 440 triệu đồng, ước thực hiện 25 tỷ 904 triệu đồng, đạt 133,3% dự toán, tăng 272,5% so với thực hiện năm 2019.

2. Chi thường xuyên:

Dự toán giao 660 tỷ 647 triệu đồng, ước thực hiện 797 tỷ 933 triệu đồng, đạt 120,8% dự toán, tăng 26,9% so với thực hiện năm 2019. Trong đó:

2.1. *Chi quốc phòng*: Dự toán giao 6 tỷ 20 triệu đồng, ước thực hiện 6 tỷ 910 triệu đồng, đạt 114,8% dự toán, giảm 5,2% so với thực hiện năm 2019.

2.2. *Chi an ninh*: Dự toán giao 1 tỷ 589 triệu đồng, ước thực hiện 2 tỷ 290 triệu đồng, đạt 144,1% dự toán, giảm 22,2% so với thực hiện năm 2019.

2.3. *Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề*: Dự toán giao 403 tỷ 135 triệu đồng, ước thực hiện 421 tỷ 292 triệu đồng, đạt 104,5% dự toán, tăng 4,5% so với thực hiện năm 2019.

2.4. *Chi sự nghiệp khoa học công nghệ*: Dự toán giao 600 triệu đồng, ước thực hiện 623 triệu đồng, đạt 103,8% dự toán, tăng 16,7% so với thực hiện năm 2019.

2.5. *Chi sự nghiệp y tế*: Dự toán giao 1 tỷ 526 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 952 triệu đồng, đạt 127,9% dự toán, tăng 26,8% so với thực hiện năm 2019.

2.6. *Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin*: Dự toán giao 3 tỷ 680 triệu đồng, ước thực hiện 3 tỷ 624 triệu đồng, đạt 98,5% dự toán, giảm 29% so với thực hiện năm 2019.

2.7. *Chi sự nghiệp truyền thanh - truyền hình*: Dự toán giao 2 tỷ 46 triệu đồng, ước thực hiện 2 tỷ 88 triệu đồng, đạt 102,1% dự toán, giảm 20,6% so với thực hiện năm 2019.

2.8. *Chi sự nghiệp thể thao*: Dự toán giao 374 triệu đồng, ước thực hiện 388 triệu đồng, đạt 103,7% dự toán, tăng 9,9% so với thực hiện năm 2019.

2.9. *Chi sự nghiệp môi trường*: Dự toán giao 2 tỷ 500 triệu đồng, ước thực hiện 2 tỷ 837 triệu đồng, đạt 113,5% dự toán, tăng 13,5% so với thực hiện năm 2019.

2.10. *Chi sự nghiệp kinh tế*: Dự toán giao 95 tỷ 556 triệu đồng, ước thực hiện 157 tỷ 748 triệu đồng, đạt 165,1% dự toán, tăng 107,2% so với thực hiện năm 2019.

2.11. *Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể*: Dự toán giao 116 tỷ 416 triệu đồng, ước thực hiện 123 tỷ 130 triệu đồng, đạt 105,8% dự toán, tăng 20,7% so với thực hiện năm 2019.

2.12. *Chi bảo đảm xã hội*: Dự toán giao 24 tỷ 90 triệu đồng, ước thực hiện 74 tỷ 951 triệu đồng, đạt 311,1% dự toán, tăng 205,7% so với thực hiện năm 2019.

2.13. *Chi khác*: Dự toán giao 3 tỷ 115 triệu đồng, ước thực hiện 3 tỷ 115 triệu đồng (trong đó: Phân bổ cho các lĩnh vực chi là 3 tỷ 15 triệu đồng và hỗ trợ cho các đơn vị ngoài ngân sách đóng trên địa bàn 100 triệu đồng).

3. Dự phòng ngân sách:

Dự toán giao 12 tỷ 432 triệu đồng, ước thực hiện 12 tỷ 432 triệu đồng, đạt 100% dự toán (phân bổ cho các sự nghiệp trên).

II. Chi chương trình mục tiêu quốc gia

Dự toán giao 138 tỷ 988 triệu đồng, ước thực hiện 156 tỷ 157 triệu đồng, đạt 112,4% dự toán, tăng 85,5% so với thực hiện năm 2019. Bao gồm:

1. Chi chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

Dự toán giao 63 tỷ 156 triệu đồng, ước thực hiện 79 tỷ 267 triệu đồng, đạt 125,5% dự toán, tăng 72,4% so với thực hiện năm 2019.

2. Chi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Dự toán giao 75 tỷ 832 triệu đồng, ước thực hiện 76 tỷ 890 triệu đồng, đạt 101,4% dự toán, tăng 101,2% so với thực hiện năm 2019.

III. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác

Dự toán giao 9 tỷ 769 triệu đồng, ước thực hiện 11 tỷ 69 triệu đồng, đạt 113,3% dự toán, tăng 68,6% so với thực hiện năm 2019.

IV. Chi trả ngân sách cấp trên

Ước thực hiện 3 tỷ 155 triệu đồng.

V. Chi chuyển nguồn

Ước thực hiện 30 tỷ 625 triệu đồng.

C. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NSDP NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về công tác quản lý, chỉ đạo

- Về thu ngân sách:

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Chi cục Thuế, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn bám sát các văn

bản hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2020 để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách theo dự toán được giao; tăng cường biện pháp quản lý thu ngân sách, công tác tuyên truyền, hỗ trợ cho đối tượng nộp thuế, minh bạch các chính sách thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; đẩy mạnh công tác quản lý, khai thác các nguồn thu. Thường xuyên họp đánh giá kết quả thu và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường trách nhiệm, thực hiện tốt công tác phối hợp, đôn đốc thu hồi nợ đọng và phấn đấu thu vượt dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

+ Tổ chức Hội nghị quán triệt, bàn các giải pháp điều hành phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách địa phương chỉ đạo cơ quan, đơn vị tích cực triển khai thực hiện dự toán thu ngân sách và quyết tâm phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch huyện giao.

- Về chi ngân sách:

+ Các cơ quan chức năng tham mưu cho UBND huyện chủ động điều hành ngân sách theo quy định; tăng cường các biện pháp quản lý chi ngân sách chặt chẽ trong phạm vi dự toán được giao.

+ Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để chi trả chế độ tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, công chức, chính sách an sinh xã hội đối với người có công, gia đình chính sách; kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế cho người cao tuổi, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và một số nhiệm vụ khác.

2. Kết quả đạt được cụ thể

2.1. Về nhiệm vụ thu ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện 1.024 tỷ 843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán; thu ngân sách tăng do tính bổ sung dự toán có mục tiêu trong năm để thực hiện các nhiệm vụ, chính sách và tăng thu từ nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện.

Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 57 tỷ 950 triệu đồng, đạt 102,4% dự toán, trong đó thu ngân sách huyện hưởng ước thực hiện 55 tỷ 594 triệu đồng, đạt 103,8% dự toán.

Về thu ngân sách trên địa bàn các xã, thị trấn: Dự ước 19 xã, thị trấn cơ bản hoàn thành dự toán giao năm 2020. Kết quả thu của các xã, thị trấn đã góp phần hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu trên địa bàn của huyện và đáp ứng nhu cầu chi của địa phương.

2.2. Về chi ngân sách và quản lý điều hành nhiệm vụ chi ngân sách

Chi ngân sách địa phương năm 2020 ước thực hiện 1.024 tỷ 843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, cơ bản đáp ứng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo.

Đã đảm bảo kinh phí hoạt động của các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, hoạt động kiến thiết; Đáp ứng cơ bản nhiệm vụ dạy và học

của sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo kể cả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho cán bộ, giáo viên và học sinh; giải quyết cơ bản các chính sách về an sinh xã hội góp phần ổn định chính trị, xã hội của địa phương.

Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn đã nhận thức đầy đủ về chính sách tài chính chặt chẽ, triệt để tiết kiệm; đã làm tốt công tác rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công, nhất là các khoản chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, lễ kỷ niệm, công tác phí trong nước.

II. Về các dự án, công trình đầu tư

- Kế hoạch vốn giao năm 2020: 323,1 tỷ đồng.
- Giá trị khối lượng thực hiện ước đạt: 365,7 tỷ đồng.
- Giá trị thanh toán giải ngân ước đạt: 323,1 tỷ đồng (đạt 100% KH vốn).

III. Tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Tổng số dự án, công trình hoàn thành đã được thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 73 dự án, công trình.

Trong đó:

- + Số dự án, công trình thuộc cấp tỉnh phê duyệt là 13 công trình, dự án.
- + Số dự án, công trình thuộc cấp huyện phê duyệt là 60 công trình, dự án.

2. Tổng số dự án, công trình đã hoàn thành chưa thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 30 dự án, công trình.

- Trong đó:

+ Đối với cấp tỉnh là: 18 dự án, công trình (Số dự án, công trình đã hoàn thành chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt là 5 dự án, công trình. Số dự án, công trình hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra nhưng chưa được phê duyệt quyết toán là 13 dự án, công trình).

+ Đối với cấp huyện là: 12 dự án, công trình (Số dự án, công trình đã hoàn thành chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt là 7 dự án, công trình. Số dự án, công trình hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra nhưng chưa được phê duyệt quyết toán là 5 dự án, công trình).

IV. Một số tồn tại, hạn chế

1. Về thu ngân sách

Về cơ bản ước thực hiện các chỉ tiêu thu đều đạt và vượt dự toán giao vẫn còn một số khoản thu không hoàn thành kế hoạch: Thuế tài nguyên (91,7%), thu cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn thị trấn (50%).

2. Về chi ngân sách

Tiến độ triển khai, giải ngân vốn sự nghiệp và các chính sách do xã được giao nhiệm vụ chỉ còn lúng túng, có nơi có lúc chưa kịp thời.

3. Về quyết toán công trình hoàn thành

Công tác lập hồ sơ đề nghị quyết toán công trình hoàn thành của các chủ đầu tư chưa được quan tâm đúng mức; tiến độ thẩm định một số hồ sơ quyết toán của phòng Tài chính - Kế hoạch còn chậm.

V. Nguyên nhân

- Thủy điện Long tạo chưa đi vào hoạt động, chưa phát điện nên không có nguồn thu thuế tài nguyên.

- Thị trường bất động sản trầm lắng nên nhu cầu chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất giảm mạnh.

- Do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh, việc làm ảnh hưởng đến thu nhập của các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NSDP NĂM 2021

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 2021 – 2023.

Nội dung, phương án phân bổ chi ngân sách địa phương và các giải pháp về đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2021 như sau:

A. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ

I. Về thu ngân sách

Dự toán thu ngân sách được xây dựng theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Quyết định số ngày /12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2021.

II. Về chi ngân sách

- Dự toán chi ngân sách địa phương được xây dựng theo nguyên tắc tiêu chí về dân số và định mức tỷ lệ ban hành tại Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương quy định cho thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020;

Quyết định số ngày /12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2021.

- Phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị dự toán, các xã thị trấn theo đúng quy định của Luật ngân sách. Căn cứ theo nguyên tắc: chi lương và các khoản đóng góp theo số lượng biên chế và hệ số lương thực tế có mặt đến 31/12/2019, với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng

- Định mức chi thường xuyên khác:

+ Các đơn vị hành chính, đảng, đoàn thể là 25 triệu đồng/01 biên chế;

+ Sự nghiệp văn hóa và thông tin; Sự nghiệp thể dục - thể thao; Sự nghiệp truyền thanh truyền hình: 21 triệu đồng/01 biên chế;

+ Sự nghiệp kinh tế:

+ Trung tâm Quản lý đất đai: 16 triệu đồng/01 biên chế.

+ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp: 19 triệu đồng/01 biên chế.

+ Sự nghiệp đào tạo (Trung tâm GDNN-GDTX: 10 triệu đồng/01 biên chế).

+ Đối với ngân sách xã đảm bảo chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương là 80%, chi thường xuyên khác là 20% (chi khác tính theo lương 1.210.000 đồng thời kỳ đầu ổn định ngân sách 2017-2020).

Trong đó đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên không bao gồm tiền lương và các khoản theo lương để thực hiện cải cách tiền lương.

- Đối với nội dung chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Sử dụng 10% số thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của UBND tỉnh. Đối với 90% số thu còn lại sử dụng chi đầu tư cho các công trình, dự án.

- Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Vốn hỗ trợ nông nghiệp; Sự nghiệp khoa học công nghệ; chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; chính sách miễn thu thủy lợi phí; sự nghiệp môi trường và các chính sách an sinh xã hội đảm bảo dự toán chi không thấp hơn mức dự toán chi UBND tỉnh giao.

- Đối với chi chương trình mục tiêu: Phân bổ theo số tỉnh giao cho từng chương trình mục tiêu.

B. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021. (Chi tiết biểu số 01 kèm theo)

Tổng thu ngân sách địa phương 683 tỷ 486 triệu đồng. Chi tiết như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 53 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách huyện được hưởng: 50 tỷ 200 triệu đồng. Bao gồm:

1. Thuế ngoài quốc doanh: 22 tỷ 700 triệu đồng.

2. Lệ phí trước bạ: 5 tỷ 500 triệu đồng.
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 50 triệu đồng.
4. Thuế thu nhập cá nhân: 1 tỷ 700 triệu đồng.
5. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 100 triệu đồng.
6. Phí và lệ phí: 1 tỷ 300 triệu đồng.
7. Thu tiền sử dụng đất: 20 tỷ đồng.
8. Thu khác ngân sách: 1 tỷ 600 triệu đồng.
9. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản: 50 triệu đồng.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 633 tỷ 286 triệu đồng, trong đó:

1. Bổ sung cân đối: 633 tỷ 248 triệu đồng.
2. Bổ sung có mục tiêu: 38 triệu đồng.

C. DỰ TOÁN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP 2021:

(Chi tiết biểu số 02 kèm theo)

Tổng chi ngân sách địa phương: 683 tỷ 486 triệu đồng, phân bổ chi tiết như sau:

I. Chi cân đối ngân sách: 683 tỷ 448 triệu đồng

1. Chi đầu tư phát triển: 38 tỷ 659 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương: 22 tỷ 234 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 16 tỷ 425 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: 632 tỷ 755 triệu đồng. Bao gồm:

- 2.1. Chi quốc phòng: 6 tỷ 363 triệu đồng.
 - 2.2. Chi an ninh: 2 tỷ 613 triệu đồng.
 - 2.3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 400 tỷ 105 triệu đồng.
 - 2.4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 600 triệu đồng.
 - 2.5. Chi sự nghiệp y tế: 1 tỷ 616 triệu đồng.
 - 2.6. Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin: 3 tỷ 95 triệu đồng.
 - 2.7. Chi sự nghiệp truyền thanh - truyền hình: 5 tỷ 523 triệu đồng.
 - 2.8. Chi sự nghiệp thể dục - thể thao: 956 triệu đồng.
 - 2.9. Chi sự nghiệp môi trường: 2 tỷ 500 triệu đồng.
 - 2.10. Chi sự nghiệp kinh tế: 77 tỷ 341 triệu đồng.
 - 2.11. Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể: 104 tỷ 845 triệu đồng.
 - 2.12. Chi lương hưu và đảm bảo xã hội: 24 tỷ 776 triệu đồng.
 - 2.13. Chi khác ngân sách: 2 tỷ 422 triệu đồng.
- 3. Dự phòng ngân sách: 12 tỷ 034 triệu đồng.**

II. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác: 38 triệu đồng

1. Vốn sự nghiệp: 38 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự ATGT: 38 triệu đồng.

PHẦN THỨ BA

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN NSDP NĂM 2021

I. Về thu ngân sách

Dự toán thu năm 2021 giao cho các đơn vị là mức tối thiểu; các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế trên từng địa bàn, kết quả thu đã thực hiện năm 2020 và các chế độ, chính sách hiện hành phân đầu khai thác mọi nguồn thu và chống thất thu ngân sách Nhà nước, đảm bảo mức phân đầu cao hơn dự toán thu ngân sách UBND huyện giao. Trước mắt cần tập trung chỉ đạo tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Các cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thu, tiến hành tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách 2020, làm rõ những tồn tại, nguyên nhân, những khoản còn nợ đọng, các khoản thu còn bỏ sót, đề ra những giải pháp tích cực, tăng cường công tác quản lý, điều hành thu, tổ chức thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo chính sách, pháp luật thuế, nhằm đảm bảo thực hiện vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách được cấp có thẩm quyền giao năm 2021.

2. Cơ quan Thuế cần tăng cường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng (Công an, Quản lý thị trường) đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, chống hàng giả, gian lận thương mại đặc biệt là trước, trong và sau dịp tết Nguyên Đán... kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm; đôn đốc các cơ quan, đơn vị thu hồi kịp thời các khoản thu theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán; theo dõi, phân loại các khoản nợ, đôn đốc, xử lý các khoản nợ đọng theo quy định của Luật xử lý nợ đọng thuế, tích cực phối hợp với các cơ quan tổng hợp, các cơ quan trong hệ thống, các chủ đầu tư để nắm bắt tình hình thanh toán của các doanh nghiệp, có biện pháp thu nợ kịp thời. Tăng cường theo dõi kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân nhằm phát hiện ngay các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế để chấn chỉnh kịp thời, chống thất thu thuế.

3. Trung tâm văn hóa - truyền thanh và truyền hình, phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, từng bước nâng cao ý thức tuân thủ, tự giác trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật về thuế.

4. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, tăng nguồn thu cho ngân sách.

5. Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấp CCNQSD đất; tạo quỹ đất để đầu giá quyền sử dụng đất, tăng nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

6. Các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý, theo dõi các hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phục vụ thi công các dự án, công trình để tăng nguồn thu từ thuế tài nguyên.

7. Thực hiện các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh thuận lợi, hiệu quả và nộp thuế cho nhà nước.

II. Về tổ chức điều hành nhiệm vụ chi ngân sách

1. Nhiệm vụ chi đầu tư

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở kế hoạch vốn giao, đảm bảo theo quy định. Trong quá trình thực hiện, giao Phòng Tài chính và Kế hoạch chủ trì phối hợp với Kho bạc nhà nước huyện và các đơn vị có liên quan định kỳ rà soát lại các dự án, công trình đã được bố trí kế hoạch vốn nhưng không có khả năng giải ngân báo cáo UBND huyện trình Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện điều chuyển sang cho các dự án đã có khối lượng hoàn thành nhưng chưa được bố trí đủ vốn, hạn chế việc hủy bỏ vốn.

- Kho bạc nhà nước huyện tiếp tục tập trung, bám sát, triển khai hiệu quả các văn bản quy định, hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ thanh toán; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thanh quyết toán ngân sách góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ tại địa phương.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng khảo sát giá vật liệu xây dựng sát với tình hình thực tế của huyện gửi Sở Tài chính; căn cứ công giá của Sở Tài chính trong công tác thẩm định nhằm tránh lãng phí trong quản lý chi phí của các dự án đầu tư.

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao nhiệm vụ chủ đầu tư đẩy mạnh công tác lập quyết toán dự án hoàn thành trình thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định.

2. Nhiệm vụ chi thường xuyên

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động của tỉnh về tổ chức thực hiện dự toán chi đúng chế độ chính sách, trên tinh thần triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn, chỉ chuyển nguồn các khoản chi thực sự cần thiết theo quy định của pháp luật, kiên quyết không thực hiện việc chuyển nguồn đối với các nhiệm vụ do chủ quan các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chậm.

- Đối với chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định. Trong đó chi mua sắm máy móc, thiết bị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Điện Biên.

- Trong chi tiêu thường xuyên: Giảm tối đa cả về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, khởi công, tiếp khách; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác; thực hành tiết kiệm chi thường xuyên gắn liền với cải cách hành chính, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, nhưng vẫn đảm bảo thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được huyện giao.

- Phòng Tài chính và Kế hoạch có trách nhiệm theo dõi sát tình hình thu, chi ngân sách địa phương, trong đó ưu tiên dành nguồn để xử lý các nhu cầu bức thiết về an sinh xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện đúng quy trình, khẩn trương rà soát, quyết định công nhận các đối tượng được thụ hưởng chính sách, đảm bảo các hồ sơ thủ tục thanh toán để trong thời gian sớm nhất các chính sách được thực hiện đúng đối tượng, khách quan và công bằng. Đặc biệt là việc thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng là người nghèo, hộ nghèo theo quy định của Chính phủ.

III. Quản lý điều hành ngân sách

- Tổ chức điều hành dự toán ngân sách:

+ Nếu vượt thu (phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp) so với dự toán cấp trên giao, sử dụng tối thiểu 70% (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất) để tăng nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

+ Nếu giảm thu so với dự toán được giao, các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn xây dựng phương án điều chỉnh để sắp xếp, giảm chi tương ứng, tập trung cắt giảm đình hoãn những nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết.

+ Tăng cường quản lý chi cho đầu tư xây dựng; chi cho chương trình mục tiêu quốc gia; mục tiêu nhiệm vụ khác các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn cần kịp thời tháo gỡ khó khăn tồn tại đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Những dự án thực hiện không đảm bảo đúng tiến độ cần sớm điều chỉnh, chuyển vốn cho những dự án có khả năng hoàn thành để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao.

+ Chấp hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách theo quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện đánh giá, phân loại các đơn vị sự nghiệp để có cơ chế chính sách tài chính phù hợp.

IV. Đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước:

- Thực hiện các trình tự thủ tục cải cách hành chính đã ban hành, đơn giản hoá thủ tục trong các lĩnh vực có liên quan đến doanh nghiệp và người dân, đã được UBND tỉnh ban hành cụ thể đối với các cấp các ngành; thực hiện tốt các quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015.

- Thực hiện tốt việc công khai dự toán 2021 và quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 ở các cấp ngân sách và tất cả các đơn vị dự toán theo đúng quy định về thời gian, nội dung của Nhà nước đã ban hành.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước ở các đơn vị sử dụng ngân sách. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý của các cơ quan, đơn vị, các quỹ tài chính. Phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan kiểm tra để tránh chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra cũng như tránh bỏ sót đối tượng cần kiểm tra. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng không để thất thoát ngân sách.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2021 và một số biện pháp quản lý điều hành dự toán năm 2021; Ủy ban nhân dân huyện báo cáo, trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- TT Huyện ủy (b/c);
- Ban thường vụ HU (b/c);
- TT HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Đức



DANH GIÁ ĐỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2020 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 496 /BC-UBND ngày 10 /12/2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2019	Dự toán giao đầu năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)		
						U' TH 2020/TH 2019	U' TH 2020/DT 2020	DT 2021/DT 2020
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=5/4	9=6/4
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	42.642,8	56.600,0	57.950,0	53.000,0	135,9%	102,4%	93,6%
1	Thu từ khu vực CTN-ngoài quốc doanh	21.848,4	23.500,0	23.500,0	22.700,0	107,6%	100,0%	96,6%
	- Thuế GTGT	10.026,0	10.400,0	11.400,0	9.950,0	113,7%	109,6%	95,7%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.420,3	1.000,0	1.000,0	1.000,0	70,4%	100,0%	100,0%
	- Thuế tài nguyên	10.402,1	12.100,0	11.100,0	11.750,0	106,7%	91,7%	97,1%
2	Lệ phí trước bạ	6.056,7	4.600,0	5.500,0	5.500,0	90,8%	119,6%	119,6%
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp	93,2	70,0	90,0	50,0	96,6%	128,6%	71,4%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.767,6	1.800,0	1.800,0	1.700,0	101,8%	100,0%	94,4%
5	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	503,5	100,0	130,0	100,0	25,8%	130,0%	100,0%
6	Phí và lệ phí	1.884,0	1.200,0	1.200,0	1.300,0	63,7%	100,0%	108,3%
	Tr.đó: + Phí BVMT khai thác khoáng sản	823,6	600,0	600,0	400,0	72,9%	100,0%	66,7%
	+ Phí, lệ phí do cơ quan TW, tỉnh thực hiện	174,6		306,0		175,3%		
7	Thu tiền sử dụng đất	8.898,6	23.600,0	24.000,0	20.000,0	269,7%	101,7%	84,7%
	- Thu cấp quyền SD đất	4.847,6	2.000,0	1.000,0	2.000,0	20,6%	50,0%	100,0%
	Trong đó: + Trên địa bàn thị trấn	3.830,6	2.000,0	1.000,0	1.750,0	26,1%	50,0%	87,5%
	+ Trên địa bàn các xã	1.017,0			250,0	0,0%		
	- Thu từ đấu giá đất	4.051,0	21.600,0	23.000,0	18.000,0	567,8%	106,5%	83,3%
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	30,0	30,0	30,0		100,0%	100,0%	0,0%
9	Thu khác ngân sách	1.405,1	1.600,0	1.600,0	1.600,0	113,9%	100,0%	100,0%
	- Thu NSTW, tỉnh hưởng	913,0	1.050,0	1.050,0	1.050,0	115,0%	100,0%	100,0%
	- Thu NS huyện hưởng	492,1	550,0	550,0	550,0	111,8%	100,0%	100,0%
10	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi CS	155,7	100,0	100,0	50,0	64,2%	100,0%	50,0%
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	841.132,0	841.276,0	1.024.843,0	683.486,0	121,8%	121,8%	81,2%
1	Thu NS huyện hưởng theo phân cấp	37.871,6	53.550,0	55.594,0	50.200,0	146,8%	103,8%	93,7%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	749.427,6	787.726,0	853.504,0	633.286,0	113,9%	108,4%	80,4%
	- Bổ sung cân đối	573.482,0	638.969,0	638.969,0	633.248,0	111,4%	100,0%	99,1%
	- Bổ sung có mục tiêu	175.945,6	148.757,0	214.535,0	38,0	121,9%	144,2%	
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	4,2		2.562,0				
4	Thu chuyển nguồn	53.415,9		113.019,0		211,6%		
5	Thu kết dư	412,6		164,0		39,7%		



ĐÁNH GIÁ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2021
 (Kèm theo Báo cáo số 496 /BC-UBND ngày 10 /12/2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2019	Dự toán giao đầu năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)		
						U' TH 2020/TH 2019	U' TH 2020/DT 2020	DT 2021/DT 2020
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=5/4	9=6/4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	840.968,1	841.276,0	1.024.843,0	683.486,0	121,8%	121,8%	81,2%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	635.926,9	692.519,0	823.837,0	683.448,0	129,5%	119,0%	98,7%
I	Chi đầu tư phát triển	6.953,8	19.440,0	25.904,0	38.659,0	372,5%	133,3%	198,9%
1	Đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương				22.234,0			
2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.803,8	19.440,0	24.604,0	16.425,0	361,6%	126,6%	84,5%
3	Đầu tư từ nguồn của Cty Phúc Sơn hỗ trợ gia đình có công với CM	150,0						
4	Đầu tư từ nguồn tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			1.300,0				
II	Chi thường xuyên	628.973,1	660.647,0	797.933,0	632.755,0	126,9%	120,8%	95,8%
1	Quốc phòng	7.288,6	6.020,0	6.910,0	6.363,0	94,8%	114,8%	105,7%
2	An ninh	2.945,0	1.589,0	2.290,0	2.613,0	77,8%	144,1%	164,4%
3	SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	403.068,6	403.135,0	421.292,0	400.105,0	104,5%	104,5%	99,2%
3.1	SN giáo dục	394.924,4	396.236,0	413.857,0	393.065,0	104,8%	104,4%	99,2%
	Trong đó: - Hỗ trợ HSBT theo NĐ 116	24.615,0	24.155,0	28.711,0	22.752,0	116,6%	118,9%	94,2%
	- HT theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP	8.421,7	8.514,0	9.093,0	8.330,0	108,0%	106,8%	97,8%
	- HT thực hiện chính sách theo NĐ 86	12.505,4	11.575,0	12.459,0	8.374,0	99,6%	107,6%	72,3%
	- Hỗ trợ học sinh khuyết tật (TT42)	4.216,2	5.396,0	6.483,0	4.645,0	153,8%	120,1%	86,1%
	- Hỗ trợ HS rất ít người theo NĐ 57	18,0	14,0	14,0	14,0	77,8%	100,0%	100,0%
3.2	SN đào tạo và dạy nghề	8.144,2	6.899,0	7.435,0	7.040,0	91,3%	107,8%	102,0%
	Trong đó: - Đào tạo trung tâm chính trị	1.079,7	785,0	785,0	1.018,0	72,7%	100,0%	129,7%
	- Trung tâm GDNN-GDTX	2.288,5	2.211,0	2.222,0	2.613,0	97,1%	100,5%	118,2%
	- Trung tâm học tập cộng đồng xã	664,3	342,0	342,0	706,0	51,5%	100,0%	206,4%
	- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	2.729,4	2.179,0	2.179,0	2.048,0	79,8%	100,0%	94,0%
	- Hỗ trợ đào tạo lại CBCC	914,8	629,0	1.165,0	655,0	127,3%	185,2%	104,1%
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	534,0	600,0	623,0	600,0	116,7%	103,8%	100,0%
5	SN y tế	1.539,0	1.526,0	1.952,0	1.616,0	126,8%	127,9%	105,9%
	- Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	220,0	200,0	200,0	220,0	90,9%	100,0%	110,0%
	- BHYT cho đối tượng BTXH	1.179,0	1.178,0	1.254,0	1.231,0	106,4%	106,5%	104,5%
	- BHYT cho CCB, TNXP, QĐ 62, ...	140,0	148,0	148,0	165,0	105,7%	100,0%	111,5%
6	SN Văn hóa & TT	5.102,4	3.680,0	3.624,0	3.095,0	71,0%	98,5%	84,1%
7	SN truyền thanh TH	2.628,2	2.046,0	2.088,0	5.523,0	79,4%	102,1%	269,9%
8	SN thể dục thể thao	353,1	374,0	388,0	956,0	109,9%	103,7%	255,6%
9	Chi sự nghiệp môi trường	2.500,0	2.500,0	2.837,0	2.500,0	113,5%	113,5%	100,0%
10	Chi sự nghiệp kinh tế	76.131,7	95.556,0	157.748,0	77.341,0	207,2%	165,1%	80,9%
10.1	SN nông nghiệp	11.252,2	9.524,0	10.303,0	10.557,0	91,6%	108,2%	110,8%
	Trong đó: - HT sản xuất nông nghiệp	1.995,8	2.000,0	2.147,0	2.000,0	107,6%	107,4%	100,0%
	- Tiêm, phun phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản	1.172,0	500,0	1.200,0	1.350,0	102,4%	240,0%	270,0%
	- HT cán bộ thú y; Khuyến nông xã	1.782,0	2.016,0	2.016,0	1.984,0	113,1%	100,0%	98,4%



STT	Nội dung	Thực hiện năm 2019	Dự toán giao đầu năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)		
						ƯTH 2020/TH 2019	ƯTH 2020/DT 2020	DT 2021/DT 2020
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=5/4	9=6/4
	- CS bảo vệ và PT đất trồng lúa	6.212,7	5.008,0	5.639,0	5.223,0	90,8%	112,6%	104,3%
10.2	SN giao thông	43.447,3	65.669,0	100.891,0	44.410,0	232,2%	153,6%	67,6%
10.3	SN thủy lợi	12.073,4	7.439,0	16.276,0	8.961,0	134,8%	218,8%	120,5%
	Trong đó: Miễn thu thủy lợi phí	2.367,5	2.058,0	4.174,0	2.361,0	176,3%	202,8%	114,7%
10.4	SN kinh tế khác	9.358,8	12.924,0	30.278,0	13.413,0	323,5%	234,3%	103,8%
	Trong đó: - Tiền điện và SC, duy tu, bảo dưỡng đường điện, bóng điện, quét vôi cắt tỉa cây xanh	455,0	425,0	560,0	580,0	123,1%	131,8%	136,5%
	- Quy hoạch, kế hoạch, quản lý đất đai, cấp GCNQSD đất	101,4	2.163,0	2.163,0	1.825,0	2133,1%	100,0%	84,4%
	- Quỹ hỗ trợ Nông dân	100,0		100,0	100,0	100,0%		
	- Vốn ủy thác cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác	200,0		300,0	300,0	150,0%		
11	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	101.993,3	116.416,0	123.130,0	104.845,0	120,7%	105,8%	90,1%
12	Chi bảo đảm xã hội	24.521,8	24.090,0	74.951,0	24.776,0	305,7%	311,1%	102,8%
	Trong đó: - Chính sách BHXH theo NĐ 136	12.999,9	15.186,0	15.397,0	15.795,0	118,4%	101,4%	104,0%
	- Mừng thọ, chúc thọ	236,3	382,0	382,0	295,0	161,7%	100,0%	77,2%
	- Trợ cấp hưu cán bộ xã	1.296,9	1.388,0	1.388,0	1.297,0	107,0%	100,0%	93,4%
	- Hỗ trợ hộ nghèo tiền điện	5.364,0	4.534,0	5.724,0	4.130,0	106,7%	126,2%	91,1%
	- Người có uy tín	141,4		172,0	139,0	121,6%		
	- HT người dân bị tác động của dịch Covid-19			40.825,0				
	- Các hoạt động TX của ĐBKH	3.033,3	2.600,0	3.654,0	3.120,0	120,5%	140,5%	120,0%
13	Chi khác ngân sách	367,4	3.115,0	100,0	2.422,0	27,2%	100,0%	77,8%
IV	Dự phòng ngân sách		12.432,0		12.034,0			96,8%
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG	84.193,0	138.988,0	156.157,0	0,0	185,5%	112,4%	
I	CTMTQG giảm nghèo bền vững	45.969,7	63.156,0	79.267,0	0,0	172,4%	125,5%	
a	Vốn đầu tư	32.245,8	47.926,0	64.037,0	0,0	198,6%	133,6%	
	- Chương trình 135	14.598,3	20.851,0	25.438,0		174,3%	122,0%	
	- Chương trình 293, 275	17.647,5	27.075,0	38.599,0		218,7%	142,6%	
b	Vốn sự nghiệp	13.723,9	15.230,0	15.230,0	0,0	111,0%	100,0%	
*	Dự án 1: Chương trình 293	7.076,9	7.919,0	7.919,0	0,0	111,9%	100,0%	
	- Tiêu DA1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Duy tu, bảo dưỡng)	1.085,8	1.600,0	1.600,0		147,4%	100,0%	
	- Tiêu DA3: HT phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	5.874,6	5.919,0	5.919,0		100,8%	100,0%	
	- Tiêu DA4: HT lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở NN	116,5	400,0	400,0		343,3%	100,0%	
*	Dự án 2: Chương trình 135	6.403,2	6.978,0	6.978,0	0,0	109,0%	100,0%	
	- Tiêu DA1: Hỗ trợ đầu tư CSHT cho các xã ĐBKK, xã biên giới; các thôn bản ĐBKK (Duy tu, bảo dưỡng)	1.419,0	1.680,0	1.680,0		118,4%	100,0%	

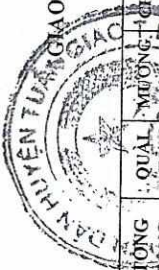


STT		Thực hiện năm 2019	Dự toán giao đầu năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)		
						U' TH 2020/TH 2019	U' TH 2020/DT 2020	DT 2021/DT 2020
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=5/4	9=6/4
	- Tiêu DA2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBK, xã biên giới; các thôn, bản ĐBK	4.984,2	5.298,0	5.298,0		106,3%	100,0%	
*	Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	114,0	181,0	181,0		158,8%	100,0%	
*	Dự án 5: Nâng cao NL&GS, ĐG thực hiện chương trình	129,8	152,0	152,0		117,1%	100,0%	
2	CTMTQG về XD nông thôn mới	38.223,3	75.832,0	76.890,0	0,0	201,2%	101,4%	
a	Vốn đầu tư	28.182,7	65.161,0	65.979,0	0,0	234,1%	101,3%	
	- Vốn TW	28.182,7	53.460,0	54.278,0		192,6%	101,5%	
	- Vốn nước ngoài		11.701,0	11.701,0			100,0%	
b	Vốn sự nghiệp	10.040,6	10.671,0	10.911,0	0,0	108,7%	102,2%	
	- Hỗ trợ trực tiếp cho các xã	8.668,0	5.652,0	5.652,0		65,2%	100,0%	
	- Ưu tiên phân bổ xã đạt chuẩn NTM	499,8	500,0	500,0		100,0%	100,0%	
	- HT dự án PTSX liên kết chuỗi GT gắn SX với tiêu thụ		3.000,0	3.000,0				
	- HT đào tạo nghề cho LĐNT		943,0	943,0				
	- Đề án "Chương trình mỗi xã một sản phẩm" (Chương trình OCOP)	522,0		240,0		46,0%		
	- Chi phí quản lý	350,8	576,0	576,0		164,2%	100,0%	
C	CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MT, NV KHÁC	6.564,6	9.769,0	11.069,0	38,0	168,6%	113,3%	0,4%
I	Vốn đầu tư	482,0	0,0	1.300,0	0,0	269,7%		
1	CTMT tái CC kinh tế NN và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (CT theo QĐ 1776)	482,0						
II	Vốn sự nghiệp	6.082,6	9.769,0	9.769,0	38,0	160,6%	100,0%	0,4%
1	Chương trình đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	181,0	185,0	185,0	0,0	102,2%	100,0%	
	- Phòng chống ma túy	161,0	165,0	165,0		102,5%	100,0%	
	- Phòng chống tội phạm	20,0	20,0	20,0		100,0%	100,0%	
2	KP thực hiện đảm bảo trật tự ATGT	51,0	36,0	36,0	38,0	70,6%	100,0%	105,6%
3	CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững	4.141,0	2.356,0	2.356,0		56,9%	100,0%	
4	CTMT tái CC kinh tế NN và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (CT theo QĐ 1776)	200,0	160,0	160,0		80,0%	100,0%	
5	CTMT hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	99,6	115,0	115,0		115,5%	100,0%	
6	CTMT giáo dục nghề nghiệp, VL và ATLĐ	20,0	30,0	30,0		150,0%	100,0%	
7	Khắc phục hậu quả thiệt hại do Dịch tả lợn châu phi	1.390,0						
8	Vốn viện trợ của Tổ chức Tầm nhìn thế giới		6.887,0	6.887,0			100,0%	
D	CHI TRẢ NS CẤP TRÊN	1.264,4		3.155,0				
E	CHI CHUYỂN NGUỒN	113.019,2		30.625,0				



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2020 của UBND huyện Trầm Giang)

STT	NỘI DUNG	TỔNG CÔNG	QUẢN LÝ	MƯƠNG	CHỈ ĐẠU	CHÍNH SĨ	QUẢN CANG	MÙN CHUNG	TTTT	MƯƠNG MÙN	PHÌNH SÁNG	CHƯỜNG ĐỒNG	MƯỜNG KHONG	RANG ĐỒNG	NÀ TÔNG	TA MA	TÒA TỈNH	PŨ XI	TÊN PHÔNG	PÚ NHUNG	QUÀI NỬA	NÀ SÁY
A	B																					
A	THU NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN	88.471	5.699	4.216	4.431	4.974	4.464	4.464	4.159	4.601	4.544	4.219	4.176	4.101	3.952	3.987	4.270	4.536	4.629	4.640	4.283	
I	THU NỘI ĐỊA	5.008	171	145	40	135	100	100	4.120	80	30	90	20	30	17	17	4.290	4.551	4.652	4.695	4.308	
1	Lệ phí trước bạ	340	35	-	10	20	5	5	225	25	-	10	-	-	-	-	20	15	15	23	55	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	
3	Phí và lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Phí, lệ phí do cấp xã, thị trấn thực hiện	472	30	20	20	40	25	100	100	25	25	18	16	28	10	15	10	10	15	15	30	
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân hộ SXKD	140	20	-	5	10	10	10	80	5	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	5	
4	Thu từ tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Thu từ cấp quyền sử dụng đất	200	50	-	-	50	50	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Thu từ đầu giá đất	3.600	-	-	-	-	-	3.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Thu khác ngân sách	148	10	3	5	5	10	10	50	10	5	7	4	2	2	2	5	5	8	5	5	
6	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	50	-	-	-	10	-	-	15	15	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	
II	THU BÓ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	83.471	5.554	4.216	4.431	4.974	4.464	4.464	4.159	4.601	4.544	4.219	4.176	4.101	3.952	3.987	4.270	4.536	4.629	4.640	4.283	
I	Bổ sung cân đối	83.471	5.554	4.216	4.431	4.974	4.464	4.464	4.159	4.601	4.544	4.219	4.176	4.101	3.952	3.987	4.270	4.536	4.629	4.640	4.283	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN	88.471	5.699	4.239	4.471	5.109	4.564	4.564	8.279	4.681	4.574	4.309	4.196	4.131	3.969	4.004	4.290	4.551	4.652	4.695	4.308	
I	CHI ĐẦU TƯ	3.420	45	-	-	45	45	45	3.240	-	-	45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Chi đầu tư XD/CB từ nguồn đầu giá đất	3.240	-	-	-	-	-	-	3.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Chi đầu tư XD/CB từ nguồn cấp quyền sử dụng đất	180	45	-	-	45	45	45	-	-	-	45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	83.348	5.542	4.155	4.383	4.964	4.429	4.429	4.939	4.588	4.474	4.180	4.112	4.049	3.889	3.924	4.204	4.459	4.559	4.601	4.222	
I	Quốc phòng	2.679	141	116	175	190	177	177	198	122	172	129	117	170	105	109	110	178	107	113	138	
-	Phụ cấp chức vụ DQTV (Theo ND 72/2020/NĐ-CP)	534	35	25	25	34	29	29	37	25	26	25	25	26	25	29	25	25	27	29	37	
-	Phụ cấp thâm niên (Theo ND 72/2020/NĐ-CP)	171	3	11	11	19	9	9	8	8	4	18	14	6	4	4	9	8	4	5	16	
-	Phụ cấp đặc thù Quốc phòng (Theo ND 72/2020/NĐ-CP)	424	23	22	23	25	19	19	25	23	19	22	23	22	22	22	21	23	22	22	23	
-	Huấn luyện DQTV hàng năm (Lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động do cấp xã tổ chức huấn luyện)	1.190	80	58	56	112	60	60	68	66	63	64	55	56	54	54	55	62	54	57	62	
-	Diễn tập năm 2021 (Phòng chống thiên tai - TTTG; Chiến đấu phòng thủ - Chiêng Sinh, Mùn Chung, Phình Sáng, Pủ Xi, Rạng Đông)	360	60	60	60	60	60	60	60	-	60	-	-	60	-	-	-	60	-	-	-	
2	Sự nghiệp GD,ĐT & dạy nghề	1.361	61	70	74	78	73	73	68	78	70	80	66	80	66	66	56	81	74	73	66	
-	Phụ cấp lãnh đạo TTHTCĐ	342	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	
-	Hoạt động sự nghiệp (Đào tạo, mở lớp)	364	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
-	Hỗ trợ ĐT CB xã, CB nguồn di học	655	23	32	36	40	35	35	30	40	32	42	30	44	30	30	20	45	45	36	35	
3	Sự nghiệp văn hóa - thông tin (Cuộc vận động toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh)	1.517	139	73	67	103	79	79	95	97	85	85	67	67	61	61	67	85	73	97	61	
-	Mức chi đối với UBNDTTQ VN cấp xã (Theo thông tư 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính)	470	25	25	25	25	25	25	20	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	



STT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	QUAI TỐ	MƯƠNG THIN	CHIẾNG SINH	QUAI CANG	MÙN CHUNG	TTTT	MƯƠNG MÙN	PHÌNH SÁNG	CHIỀNG ĐỒNG	MƯƠNG KHONG	RANG ĐỒNG	NÀ TÔNG	TA MA	TÒA TỈNH	PỦ XI	TÊN PHỔNG	PỦ NHUNG	QUAI NỬA	NÀ SÁY
-	Mức chi hỗ trợ đối với ban công tác mặt trận ở khu dân cư (Theo thông tư 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính)	1.047	114	48	42	78	54	75	72	60	60	42	42	36	36	42	60	30	48	72	36
4	Chi lương hưu và BHXH	1.592	228	74	74	139	33	178	90	102	73	88	7	34	108	56	6	29	133	24	61
-	Luật người cao tuổi (Mùng thọ năm 2021)	295		27	40	9	9	27	16	6	26	13	7	10	7	7	6	4	10	24	14
-	Trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc	1.297	195	120	47	99	24	151	74	96	47	75		24	101	49		25	123		47
5	Sự nghiệp kinh tế	2.364	122	100	75	122	105	435	100	117	114	104	117	113	104	109	100	100	105	100	122
-	Sự nghiệp nông nghiệp (HT cán bộ thú y, khuyến nông xã)	1.984	117	100	75	117	100	75	100	117	109	104	117	113	104	109	100	100	105	100	122
-	Sự nghiệp kinh tế khác (Kinh phí do đặc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp GCNQSD đất từ 10% thu tiền sử dụng đất)	380	5			5	5	360			5										
6	Quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	73.835	4.851	3.667	3.918	4.332	3.962	3.965	4.101	3.928	3.699	3.670	3.608	3.510	3.476	3.806	4.009	3.303	4.061	4.169	3.800
6.1	Quỹ lương	57.019	3.940	2.817	3.024	3.284	3.048	3.249	3.082	3.001	2.827	2.751	2.793	2.710	2.615	2.858	3.023	2.513	3.302	3.258	2.924
-	Lương Công chức chuyên trách (đã bao gồm các khoản đóng góp)	29.935	1.810	1.555	1.425	1.620	1.690	1.690	1.435	1.520	1.450	1.520	1.570	1.600	1.500	1.560	1.610	1.430	1.630	1.640	1.680
-	Phụ cấp CB KCT (Đã bao gồm các khoản đóng góp)	4.801	282	200	226	226	255	260	285	310	255	265	255	255	226	226	255	255	255	255	255
-	Phụ cấp CB KCT thôn bản (Theo Quyết định số 33/QĐ-UBND)	12.774	1.360	573	596	930	645	1.075	860	715	715	502	502	430	430	502	716	360	573	860	430
-	Phụ cấp ĐBHDND (Đã bao gồm các khoản đóng góp)	2.675	177	142	127	170	134	147	148	148	143	124	124	146	134	138	142	111	130	150	140
-	Phụ cấp ban chấp hành ĐU	1.097	65	60	54	76	60	77	70	60	45	54	49	51	43	61	49	43	61	65	54
-	Phụ cấp thu hút theo nghị định 76/2019/NĐ-CP	3.270	109	98	596	92	54	174	174	105	77	153	170	59	139	226	94	169	644	141	170
-	Phụ cấp lâu năm theo nghị định 76/2019/NĐ-CP	2.467	137	189		170	210		110	143	142	133	123	169	143	145	157	145	9	147	195
6.2	Chi thường xuyên (Theo thời kỳ đầu ổn định ngân sách năm 2017, phân chia theo nhóm xã, thị trấn theo một số tiêu chí về khoảng cách, số bản trên địa bàn)	9.754	495	495	495	495	540	468	558	549	495	549	540	549	549	468	592	468	495	495	459
6.3	Bổ sung ngoài định mức:	7.062	416	355	399	553	374	248	461	378	377	370	275	251	312	480	394	322	264	416	417
-	Ban giám sát đầu tư công cộng	95	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
-	Kinh phí hoạt động của khối đoàn thể (Theo Quyết định số 33/QĐ-UBND)	513	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27
-	Đại hội liên hiệp phụ nữ	424	25	20	24	25	20	35	24	24	24	20	20	20	20	20	20	18	20	25	20
-	Phần mềm kế toán quý vì người nghèo, phần mềm bảng tính lương, phần mềm quản lý cán bộ và báo tri năm 2021, năm 2022	465	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	33	24	24	24	24	24	24
-	Mua sắm tài sản	4.346	192	219	266	374	230	157	291	223	222	241	146	130	182	351	243	210	128	245	296
-	Hỗ trợ các tổ chức Chính trị - xã hội (Tại các bản)	1.219	143	60	53	98	68		90	75	75	53	53	45	45	53	75	38	60	90	45
III	DỰ PHÒNG NGĂN SÁCH	1.703	112	84	88	100	90	100	93	100	84	84	82	80	80	86	92	75	93	94	86

Số: 140/BC-BDT

Tuần Giáo, ngày 12 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả công tác năm 2020, Chương trình công tác năm 2021 của Ban Dân tộc HĐND huyện Tuần Giáo khóa XX, nhiệm kỳ 2016 - 2021

Qua một năm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và hoạt động thực tiễn, Ban Dân tộc HĐND huyện báo cáo kết quả công tác năm 2020 và xây dựng Chương trình công tác năm 2021 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2020

Thực hiện Chương trình hoạt động của HĐND huyện năm 2020 và Quyết định số 35/QĐ-BDT ngày 25/11/2016 của Ban dân tộc, quy định về hoạt động của Ban dân tộc HĐND huyện nhiệm kỳ 2016 - 2021; Ban dân tộc HĐND huyện đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động theo định kỳ và ban hành các văn bản thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền.

1. Công tác chuẩn các kỳ họp HĐND

- Ban đã tham gia cùng Thường trực HĐND huyện tổ chức 03 kỳ họp (01 kỳ họp phát sinh và 02 kỳ họp thường lệ) HĐND huyện khóa XX.

- Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND huyện, Ban Dân tộc HĐND huyện đã phối hợp với các Ban của HĐND thẩm tra các báo cáo của UBND huyện; dự thảo nghị quyết của HĐND huyện; báo cáo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi cục thi hành án dân sự liên quan đến lĩnh vực dân tộc trình tại 02 kỳ họp.

- Trước mỗi kỳ họp, Ban được tham dự đầy đủ các cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân để đánh giá, rút kinh nghiệm kỳ họp trước; đồng thời bàn bạc, thống nhất, nội dung chương trình kỳ họp tới; nhằm phát huy tính dân chủ cho đại biểu HĐND khi xem xét, quyết định những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn.

2. Hoạt động giám sát

Ban dân tộc đã chủ động tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của HĐND huyện về chương trình công tác năm 2020; chú trọng công tác giám sát thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn.

- Trong năm 2020 Ban đã xây dựng kế hoạch thực hiện 02 cuộc giám sát chuyên đề gồm: Giám sát tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2020 và giám

sát tình hình thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện. Qua giám sát 02 chuyên đề Ban đã có 19 kiến nghị đối với các đơn vị chịu sự giám sát, trong đó có 15 kiến nghị đã gửi báo cáo kết quả thực hiện, còn 04 kiến nghị đang theo dõi thực hiện.

- Giám sát các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước, trong và sau các kỳ họp của HĐND huyện theo sự phân công của Thường trực một cách nghiêm túc. Trước và sau kỳ họp thứ 10, thứ 11 Ban được giao giám sát thực hiện 10 ý kiến, kiến nghị kết quả có 10/10 ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được các đơn vị liên quan trả lời thỏa đáng.

- Tham mưu cho Thường trực HĐND 01 cuộc giám sát chuyên đề về thực hiện kiến nghị, Nghị quyết của HĐND, Thường trực HĐND qua các cuộc giám sát chuyên đề từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đến nay.

- Ngoài ra, Ban còn tham gia Đoàn giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện giám sát trên lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội, thực thi pháp luật tại một số cơ quan.

Qua giám sát cho thấy cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các chính sách dân tộc đầy đủ đúng đối tượng; Ban dân tộc cũng đã có những ý kiến đề xuất với các đơn vị chịu sự giám sát có hướng khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ và đề ra những giải pháp thực hiện trong những năm tiếp theo.

3. Các hoạt động thường xuyên của Ban

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp do Thường trực hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ngành có liên quan của huyện tổ chức.

- Các thành viên trong Ban tham gia tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện theo quy định và thông qua việc tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn (nơi đại biểu đắc cử) giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện đặc biệt là lĩnh vực dân tộc.

- Ban hành 04 công văn gửi UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị liên quan về cung cấp thông tin phục vụ công tác giám sát, thẩm tra của Ban ; đề xuất nội dung giám sát chuyên đề năm 2020.

4. Đánh giá chung

4.1. Ưu điểm

- Ban Dân tộc HĐND huyện đã thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định của pháp luật; các hoạt động của Ban ngày càng được nâng cao; thực hiện tốt các hoạt động như: Tham gia cùng Thường trực HĐND chuẩn bị nội dung các kỳ họp; phối hợp thực hiện tốt công tác thẩm tra, giám sát chuyên đề, giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; theo dõi việc thực hiện kiến

nghị kết luận sau giám sát, việc ban hành quyết định của UBND và nghị quyết của HĐND huyện; tham gia đầy đủ các cuộc giám sát của HĐND, Thường trực HĐND; Phối hợp chặt chẽ với các Ban của HĐND huyện, các cơ quan chuyên môn trong các hoạt động.

- Lãnh đạo Ban tham gia dự các cuộc họp, hội nghị do các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện tổ chức về các vấn đề có liên quan. Các thành viên của Ban tham dự đầy đủ các kỳ họp của HĐND huyện, dự họp tổ đại biểu HĐND huyện, tiếp xúc cử tri trước, sau kỳ họp thường lệ đầy đủ.

- Các hoạt động của Ban trong năm 2020 cơ bản hoàn thành chương trình, kế hoạch đề ra; các thành viên trong Ban đều có ý thức trách nhiệm và tích cực tham gia các hoạt động của Ban. Hoạt động giám sát của Ban được triển khai đúng kế hoạch. Qua giám sát, Ban có báo cáo đánh giá kết quả, kiến nghị thiết thực với cơ quan chuyên môn, HĐND, UBND các cấp để giúp cho chính quyền các cấp triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến chính sách dân tộc trên địa bàn. Nhìn chung, kết quả các kiến nghị, đề xuất của Ban được chính quyền các cấp, cơ quan chuyên môn quan tâm tiếp thu và có biện pháp triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc.

4.2. Tồn tại, hạn chế

Hầu hết các thành viên của Ban đều hoạt động kiêm nhiệm, số lượng thiếu hiện tại còn 03/5 thành viên (01 chuyển công tác về tỉnh, 01 nghỉ chế độ) nên hoạt động của Ban gặp nhiều khó khăn.

Một số thành viên Ban chưa thực hiện đầy đủ các hoạt động của Ban nhất là tham gia các cuộc giám sát, cuộc họp Thường trực HĐND huyện và cuộc họp thẩm tra các báo cáo trình tại kỳ họp, từ đó phần nào ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2021

1. Tham gia công tác chuẩn bị các kỳ họp HĐND

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác thẩm tra các báo cáo của UBND và dự thảo Nghị quyết của HĐND trên lĩnh vực dân tộc theo sự phân công của Thường trực HĐND huyện; việc thẩm tra thực hiện đúng trình tự luật định, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương nhằm giúp đại biểu HĐND huyện xem xét, thảo luận, quyết định các nội dung trình tại kỳ họp.

2. Hoạt động giám sát

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Ban Dân tộc huyện đề ra các nội dung giám sát năm 2021 như sau:

- Giám sát quyết định của UBND huyện, nghị quyết của HĐND huyện về lĩnh vực dân tộc.

- Giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến lĩnh vực dân tộc.

- Giám sát chuyên đề (02 chuyên đề) về thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện; ngoài ra, tùy tình hình thực tế, Ban sẽ tiến hành giám sát, khảo sát một số nội dung bức xúc phát sinh (Nếu có) hoặc theo sự phân công của Thường trực HĐND huyện. Phối hợp với các Ban của HĐND huyện giám sát các chuyên đề do Thường trực HĐND triệu tập.

3. Hoạt động thường xuyên của Ban

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động; tổ chức tốt các hoạt động theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

- Theo dõi việc thực hiện kiến nghị của Đoàn sau giám sát; dự kiến Chương trình giám sát của Ban năm 2021 và đề xuất nội dung giám sát của Thường trực HĐND huyện năm 2021.

- Tham dự đầy đủ các kỳ họp HĐND, Thường trực HĐND, Tổ đại biểu HĐND huyện; tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thường lệ; thực hiện việc tiếp công dân theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác năm 2020 và Chương trình công tác năm 2021 của Ban Dân tộc HĐND huyện./.

Nơi nhận:

- TTHĐND;
- Đại biểu HĐND;
- Lưu: VP.

**TM. BAN DÂN TỘC
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bạc Thị Hồng